

CẨM NANG

QUYỀN CỦA TRẺ EM KHUYẾT TẬT TRONG GIÁO DỤC HÒA NHẬP

Hà nội, 2017

CẨM NANG

QUYỀN CỦA TRẺ EM KHUYẾT TẬT TRONG GIÁO DỤC HÒA NHẬP

Hà Nội, 2017

MỤC LỤC

A. QUYỀN CỦA TRẺ KHUYẾT TẬT THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM.....	4
1. Quyền trẻ em khuyết tật theo quy định của pháp luật quốc tế	4
1.1. Phân biệt nhu cầu và quyền.....	5
1.2. Khái niệm trẻ em khuyết tật	6
1.3. Các rào cản mà trẻ khuyết tật gặp phải khi thực hiện quyền.....	6
1.4. Các nguyên tắc về quyền của trẻ khuyết tật	7
1.5. Các quyền cơ bản của trẻ khuyết tật.....	9
2. Quyền của trẻ khuyết tật theo quy định của pháp luật Việt Nam.....	18
B. CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC HÒA NHẬP DÀNH CHO TRẺ KHUYẾT TẬT.....	19
1. Quan điểm, chính sách về tham gia giáo dục hòa nhập của trẻ khuyết tật trên thế giới	19
2. Quan điểm, chính sách pháp lý về tham gia giáo dục hòa nhập của trẻ khuyết tật tại Việt Nam	21
3. Các mô hình giáo dục cho trẻ khuyết tật	24
4. Chương trình giáo dục hòa nhập dành cho trẻ khuyết tật.....	27
a) Mục tiêu giáo dục hòa nhập	27
b) Phương pháp giáo dục.....	27
c) Yêu cầu đối với môi trường giáo dục hòa nhập dành cho trẻ khuyết tật.....	28
5. Các chính sách giáo dục hòa nhập tại Việt Nam	28
5.1. Ưu tiên trong nhập học và tuyển sinh.....	28
5.2. Chính sách khi tham gia các chương trình giáo dục	29
5.3. Chính sách ưu đãi đối với trẻ khuyết tật trong việc miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập	30
5.4. Chính sách cấp học bổng đối với trẻ khuyết tật	32
5.5. Chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục trẻ khuyết tật.....	33
DANH MỤC VĂN BẢN PHÁP LUẬT.....	34
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	35

A. QUYỀN CỦA TRẺ KHUYẾT TẬT THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM

MỘT SỐ VĂN BẢN PHÁP LUẬT QUỐC TẾ QUY ĐỊNH VỀ QUYỀN CỦA TRẺ EM KHUYẾT TẬT

STT	Tên văn bản	Năm ban hành	Việt Nam phê chuẩn
1	Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền	10/12/1948	
2	Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị	16/12/1966	24/09/1982
3	Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa	16/12/1966	24/09/1982
4	Công ước quốc tế về quyền trẻ em	20/11/1989	20/02/1990
5	Nghị định thư không bắt buộc bổ sung Công ước quốc tế về quyền trẻ em và mua bán trẻ em, mại dâm trẻ em và văn hóa khiêu dâm trẻ em	25/5/2000	20/12/2001
6	Nghị định thư không bắt buộc bổ sung Công ước quốc tế về quyền trẻ em và lời cuốn trẻ em tham gia xung đột vũ trang	25/5/2000	20/12/2001
7	Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật	13/12/2006	28/11/2015
8	Nghị định thư không bắt buộc bổ sung Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật		

1. Quyền trẻ em khuyết tật theo quy định của pháp luật quốc tế

Quyền con người (nhân quyền) là những nhu cầu cơ bản và chính đáng nhất của một con người có thể được hưởng và được làm. Quyền được công nhận về mặt pháp lý và quy định trách nhiệm, nghĩa vụ buộc người khác phải tôn trọng, bảo vệ và đáp ứng. Cho đến nay, những đặc tính quan trọng nhất của quyền con người được tất cả các văn kiện của Liên hợp quốc đúc kết, công nhận và tôn trọng. Nhà nước có trách nhiệm hàng đầu trong việc thúc đẩy và thực hiện các quyền con người về dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa. Quyền con người có tính phổ quát, bất khả xâm phạm, không chia cắt, liên quan với nhau và phụ thuộc lẫn nhau.

Quyền trẻ em không những bao gồm toàn bộ quyền con người mà còn bao gồm cả những quyền dành riêng cho trẻ em. Quyền trẻ em được xây dựng trên nhu cầu và đặc điểm của trẻ, nhằm đảm bảo sự phát triển và tồn tại của trẻ. Tuy nhiên, không phải mọi nhu cầu của trẻ đều thuộc nội dung quyền trẻ em.

1.1. Phân biệt nhu cầu và quyền

NHU CẦU	QUYỀN
- Là những yêu cầu mà một người cần có để có thể tồn tại và phát triển. Càng nhiều nhu cầu được đáp ứng thì trẻ em càng có điều kiện được phát triển - Khác nhau với những nhóm người khác nhau, ở thời điểm khác nhau - Một số người, nhóm người có thể bị bỏ qua - Có thể không đáp ứng được, phụ thuộc hoàn cảnh, điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa và thiên nhiên - Quan điểm: Trẻ em, đặc biệt là nhóm trẻ em khuyết tật đáng được giúp đỡ và bảo vệ - Không quy định rõ ràng ai là người mang trách nhiệm - Không được bảo đảm về mặt pháp lý	- Là những đòi hỏi cơ bản chính đáng mà một người phải có để đảm bảo tồn tại và phát triển một cách tốt nhất - Giống nhau đối với tất cả mọi người mọi lúc mọi nơi - Không chối bỏ ai - Buộc phải được đáp ứng trong mọi hoàn cảnh, điều kiện, dựa theo chính sách và pháp luật - Quan điểm: Trẻ em, bao gồm cả trẻ khuyết tật và không khuyết tật, có quyền được giúp đỡ và bảo vệ - Có quy định người mang trách nhiệm - Được đảm bảo về mặt pháp lý

Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em(CRC) và Công ước của Liên hợp quốc về quyền của người khuyết tật (CRPD) là hai văn kiện quốc tế có quy định về quyền của trẻ khuyết tật, đặc biệt là CRPD. Ngay trong phần lời nói đầu, CRPD đã đặc biệt đề cập đến vấn đề trẻ khuyết tật: *“trẻ em khuyết tật cần được hưởng đầy đủ các quyền và tự do cơ bản của con người một cách bình đẳng với các trẻ em khác, và nhắc lại các nghĩa vụ liên quan đến việc này của các quốc gia thành viên Công ước về Quyền trẻ em”*

Điều 3 CRPD quy định về các Nguyên tắc chung cũng nhấn mạnh các quy định liên quan đến trẻ khuyết tật cũng cần áp dụng và lưu ý *“tôn trọng khả năng phát triển của trẻ khuyết tật và quyền bảo vệ bản sắc của trẻ”*.

Điều 4 CRPD về nghĩa vụ chung, cũng nhấn mạnh về trẻ em khuyết tật trong các nghĩa vụ chung mà các quốc gia phải đảm bảo: *“Các quốc gia thành viên sẽ tham khảo ý kiến và tích cực tham gia vào người khuyết tật, kể cả trẻ em khuyết tật, thông qua các tổ chức đại diện của trẻ”*. Quy định này dựa trên nguyên tắc quyền trẻ em của CRC rằng trẻ em có thể tự do đưa ra quan điểm của mình và tham gia vào những vấn đề ảnh hưởng đến trẻ.

Ngoài ra, cả CRC và CRPD đều có một điều khoản riêng biệt về trẻ khuyết tật (Điều 23 CRC và Điều 7 CRPD), theo đó, hai Công ước này quy định:

- Bảo đảm cho trẻ em khuyết tật được hưởng trọn vẹn các quyền và tự do cơ bản của con người trên cơ sở bình đẳng với các trẻ em khác;
- Quyền lợi tốt nhất của trẻ là yếu tố đầu tiên cần xem xét khi quyết định các vấn đề liên quan đến trẻ khuyết tật
- Trẻ khuyết tật được tự do đưa ra quan điểm của mình trong các vấn đề liên quan đến trẻ, trên cơ sở độ tuổi và mức độ trưởng thành của trẻ khuyết tật

Đảm bảo các biện pháp hỗ trợ phù hợp để trẻ khuyết tật có thể thực hiện được quyền cơ bản của trẻ.

Do đó, tài liệu này dựa trên các quy định về quyền trẻ em theo Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em và Công ước của Liên hợp quốc về quyền của người khuyết tật, để đưa ra các quyền cơ bản của trẻ khuyết tật theo quy định của pháp luật quốc tế.

Báo cáo thế giới về khuyết tật 2011 (World report on Disability 2011)¹ ước tính có khoảng 93 triệu đến 150 triệu trẻ khuyết tật trên toàn thế giới. Theo đó, “trẻ khuyết tật ít có cơ hội đến trường, do đó, trẻ khuyết tật bị hạn chế cơ hội trở thành nguồn nhân lực trong tương lai và phải đối mặt với nguy cơ giảm cơ hội việc làm cũng như giảm năng suất lao động khi trưởng thành”

1.2. Khái niệm trẻ em khuyết tật

Theo Điều 1 CRC quy định **trẻ em** có nghĩa là bất kỳ người nào dưới 18 tuổi, trừ trường hợp pháp luật có thể được áp dụng với trẻ em đó quy định tuổi thành niên sớm hơn.

Điều 1 CRPD nêu rõ “Người khuyết tật bao gồm những người có khiếm khuyết lâu dài về thể chất, tâm thần, trí tuệ hoặc giác quan mà khi tương tác với những rào cản khác nhau có thể phương hại đến sự tham gia hữu hiệu và trọn vẹn của họ vào xã hội trên cơ sở bình đẳng với những người khác”.

Như vậy, theo quy định của các Công ước, **trẻ em khuyết tật** là người **dưới 18 tuổi**, có khiếm khuyết lâu dài về thể chất, tâm thần, trí tuệ hoặc giác quan mà khi tương tác với những rào cản khác nhau có thể phương hại đến sự tham gia hữu hiệu và trọn vẹn của họ vào xã hội trên cơ sở bình đẳng với những người khác.

Một vài lưu ý về khái niệm “khuyết tật” theo CRPD

- Khuyết tật là một khái niệm luôn tiến triển và sự khuyết tật xuất phát từ sự tương tác giữa người có khuyết tật với những rào cản về môi trường và thái độ, những rào cản này phương hại đến sự tham gia đầy đủ và hữu hiệu của họ vào xã hội trên cơ sở bình đẳng với những người khác

- Khuyết tật không phải là vấn đề về y tế mà còn là sự tương tác giữa khiếm khuyết và môi trường xung quanh. Công ước CRPD nhấn mạnh một người được xác định là người khuyết tật khi khiếm khuyết của họ phải đối mặt với môi trường không tiếp cận.

- Việc phân loại khuyết tật cần căn cứ vào các rào cản mà người có khuyết tật gặp phải mà không nên căn cứ vào tỷ lệ suy giảm chức năng của người đó.

1.3. Các rào cản mà trẻ khuyết tật gặp phải khi thực hiện quyền

Trẻ khuyết tật phải đối mặt với rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến quyền cơ bản của trẻ hoặc loại trừ sự tham gia của trẻ. Trẻ khuyết tật là nhóm đối tượng bị phân biệt đối xử kép do các yếu tố thể chất, khuyết tật, giới tính, nghèo đói... tác động đến trẻ:

¹http://www.who.int/disabilities/world_report/2011/report.pdf

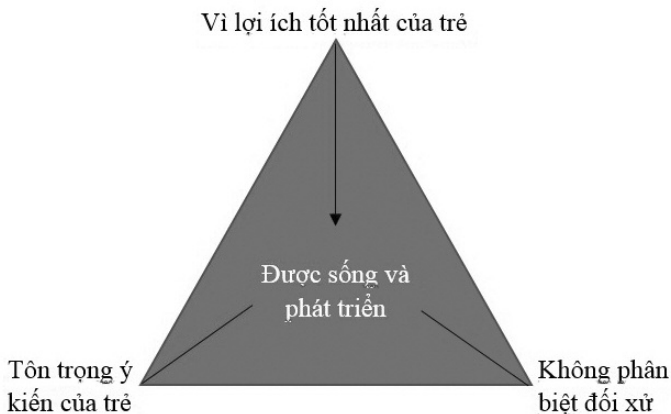
- **Định kiến và khuôn mẫu:** thái độ tiêu cực, khuôn mẫu cứng nhắc và niềm tin sai lầm là những rào cản chính trong tất cả các nền văn hóa. Trẻ khuyết tật được cho là những đứa trẻ không may mắn, thường đem lại vận đen cho gia đình;

- **Giới:** trẻ em gái khuyết tật thường là nhóm yếu thế nhất, bị bỏ rơi, bị phân biệt đối xử, bị hạn chế tham gia giáo dục, hạn chế trong việc kết hôn, hạn chế quyền làm mẹ và hạn chế tham gia vào xã hội nói chung;

- **Nghèo đói:** khi mà xã hội không đảm bảo những yếu tố tiếp cận cơ bản, người khuyết tật thường là những người nghèo đói nhất và bị đẩy ra ngoài lề xã hội. Ngay cả những gia đình nghèo nhất cũng cố gắng bảo vệ và chăm sóc cho con cái của họ, nhưng họ thường bị mắc kẹt trong vòng tròn nghèo đói và bị tách biệt khỏi xã hội, do những hành vi và niềm tin tiêu cực, thiếu thông tin, kiến thức, kỹ năng và nguồn lực.

- **Tình huống nguy hiểm:** trẻ em khuyết tật là nhóm dễ bị bỏ quên trong các tình huống nguy hiểm như thiên tai, dịch bệnh, xung đột vũ trang, tị nạn....

1.4. Các nguyên tắc về quyền của trẻ khuyết tật



Nguyên tắc 1: Không phân biệt đối xử

Không phân biệt đối xử được Ủy ban Liên hợp quốc xác định là một trong những nguyên tắc cơ bản quan trọng để đảm bảo thực hiện quyền của trẻ em nói chung, của trẻ khuyết tật nói riêng

Điều 2 CRC quy định: “*Các Quốc gia thành viên phải tôn trọng và bảo đảm những quyền được nêu ra trong Công ước này đối với mọi trẻ em thuộc quyền tài phán của họ mà không có bất cứ sự phân biệt đối xử nào về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hoặc quan điểm khác, nguồn gốc dân tộc, sắc tộc hay xã hội, tài sản, khuyết tật, thành phần xuất thân hay địa vị khác của trẻ em hoặc cha mẹ hay người giám hộ hợp pháp của trẻ em đó.*”

Như vậy, mọi trẻ em đều được hưởng tất cả các quyền của trẻ em một cách **bình đẳng/công bằng/vô tư, không thiên vị, định kiến** mà không có bất cứ một sự phân biệt đối xử nào về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo...đối với trẻ em hay đối với cha mẹ các em ở mọi hoàn

cảnh. Do đó khi thực hiện bất cứ quyền nào của trẻ, chúng ta cần đảm bảo xem xét đến tất cả các yếu tố như chủng tộc, màu da, giới tính, khuyết tật... để đảm bảo trẻ được đối xử công bằng. Tuy nhiên, *không phân biệt đối xử không có nghĩa là trong tình huống nào cũng được đối xử giống nhau.*

Nguyên tắc 2: Vì lợi ích tốt nhất của trẻ

Nguyên tắc vì lợi ích tốt nhất của trẻ là nguyên tắc định hướng cho toàn bộ Công ước CRC, làm chỉ dẫn diễn giải cho các điều khoản khác và là một điều kiện cần và đủ trong việc thực thi quyền của trẻ em, trong đó có trẻ khuyết tật.

“1. Trong mọi hoạt động liên quan tới trẻ em, dù được thực hiện bởi các cơ quan phúc lợi xã hội của nhà nước hay tư nhân, bởi tòa án, các nhà chức trách hành chính hay cơ quan pháp luật, thì lợi ích tốt nhất của trẻ em phải là mối quan tâm hàng đầu”.

Lợi ích tốt nhất của trẻ là một thuật ngữ rất rộng. Do đó, việc xem xét thế nào là lợi ích tốt nhất của trẻ thì chúng ta cần cân đối các tác động ngắn hạn và dài hạn, và xem xét đối với từng cá nhân trẻ trong các hoàn cảnh cụ thể. Lợi ích tốt nhất của trẻ cũng có thể khác nhau qua từng thời kỳ phát triển của trẻ, theo mức độ phát triển và văn hóa của từng quốc gia.

Điều 3 CRC quy định rằng trong tất cả hoạt động liên quan đến trẻ em, vấn đề lợi ích tốt nhất của trẻ là yếu tố cần được xem xét hàng đầu. Nó có nghĩa rằng bất cứ quyết định nào được đưa ra liên quan đến trẻ, đặc biệt là trẻ khuyết tật, thì tác động của những quyết định đó cần được đánh giá để đảm bảo lợi ích tốt nhất cho trẻ. Lợi ích của những người khác như cha mẹ, cộng đồng, xã hội không phải là lợi ích hàng đầu, mặc dù họ có thể là những người ảnh hưởng đến quyết định cuối cùng.

Lợi ích tốt nhất của trẻ không phải luôn luôn là yếu tố duy nhất, đặc biệt khi có sự xung đột lợi ích về quyền con người của các nhóm đối tượng, giữa các nhóm trẻ khác nhau, giữa trẻ em và người lớn, nhưng phải là yếu tố được xem xét đầu tiên.

Nguyên tắc 3: Nguyên tắc được sống và phát triển

“Điều 6.

- 1. Các Quốc gia thành viên thừa nhận rằng mọi trẻ em đều có quyền vốn có là được sống.*
- 2. Các Quốc gia thành viên phải bảo đảm đến mức tối đa có thể được sự sống còn và phát triển của trẻ em.”*

Trong khi sự sống sót của trẻ em thường liên quan trực tiếp đến quyền được sống thì quyền phát triển của trẻ em phải được diễn giải theo nghĩa rộng nhất, bao gồm sự phát triển thể chất, tâm lý, tình cảm, xã hội và tinh thần của trẻ. Chính phủ, với tư cách là đơn vị chịu trách nhiệm chính, có trách nhiệm đảm bảo sự sống còn và phát triển của trẻ em ở mức tối đa có thể

Nguyên tắc 4: Tôn trọng ý kiến của trẻ

Điều 12 CRC đưa ra nguyên tắc về việc tôn trọng ý kiến của trẻ.

“Các Quốc gia thành viên phải bảo đảm cho trẻ em có đủ khả năng hình thành quan điểm riêng của mình, được quyền tự do phát biểu những quan điểm đó về mọi vấn đề tác động đến trẻ

em, và những quan điểm của trẻ em phải được coi trọng một cách thích đáng, tương ứng với độ tuổi và mức độ trưởng thành của trẻ em.”

Theo đó, trẻ em nên được lắng nghe về bất kỳ vấn đề nào liên quan đến trẻ và quan điểm của trẻ cần được xem xét một cách hợp lý căn cứ theo độ tuổi và sự trưởng thành của trẻ. Nguyên tắc này là được thể hiện xuyên suốt trong CRC cùng với quyền tự do ngôn luận và các quyền công dân khác của trẻ. Nguyên tắc này đòi hỏi trẻ em phải được đảm bảo quyền bày tỏ quan điểm của mình một cách tự do và phải được lắng nghe để xem xét cho cân xứng/phù hợp.

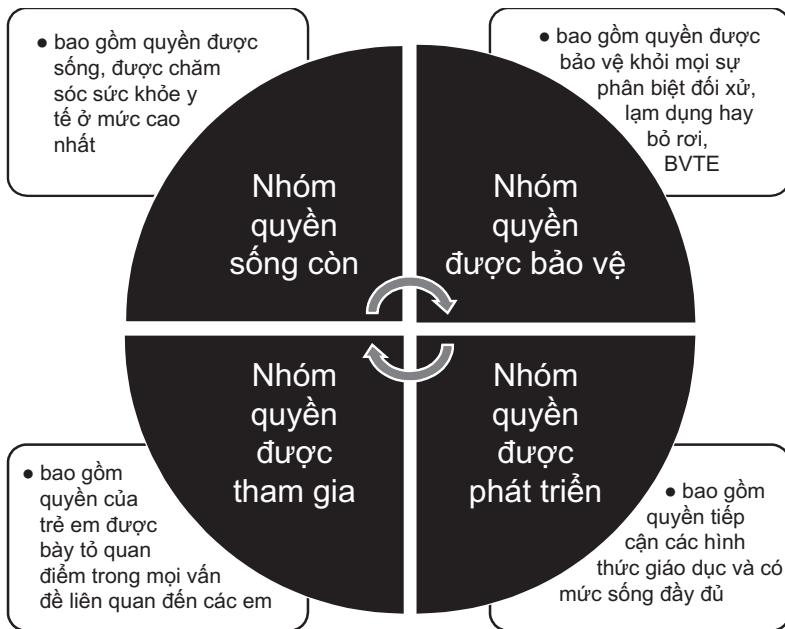
Nguyên tắc này cũng yêu cầu sự tham gia của trẻ vào các vấn đề liên quan đến trẻ. Sự tham gia của trẻ được ghi nhận trong nguyên tắc này là việc trẻ có cơ hội thể hiện quan điểm, đưa ra quyết định về các vấn đề liên quan đến bản thân.

Những vấn đề cần lưu ý khi thực hiện các nguyên tắc về quyền trẻ em:

- Các nguyên tắc về quyền trẻ em là những quy định bắt buộc phải tuân thủ khi thực hiện bất kỳ quyền trẻ em nào
- Các nguyên tắc về quyền trẻ em được áp dụng khi có mâu thuẫn giữa các quyền của cùng một trẻ, quyền của trẻ này với quyền của trẻ hay nhóm trẻ khác, giữa quyền của trẻ em và quyền hay lợi ích của những người có liên quan (cha mẹ, cộng đồng,...) trong quá trình ra quyết định đối với những vấn đề có liên quan đến trẻ;
- Cả 4 nguyên tắc đều quan trọng và đều phải được đảm bảo khi thực hiện bất kỳ một điều khoản nào của CRC;
- Các nguyên tắc về quyền trẻ em có sự liên quan chặt chẽ với nhau. Việc thực hiện nguyên tắc này sẽ tạo điều kiện để thực hiện nguyên tắc kia. Ngược lại, nếu một nguyên tắc nào đó không được thực hiện thì chắc chắn các nguyên tắc khác sẽ không được thực hiện một cách đầy đủ;
- Tùy từng tình huống, hoàn cảnh cụ thể mà có các biện pháp khác nhau nhằm đảm bảo các nguyên tắc. Có những nguyên tắc có thể dễ dàng được xem xét và đưa vào kế hoạch hành động hay thực hiện ngay, nhưng cũng có những nguyên tắc chỉ có thể nhận thấy và được xem xét, thực hiện sau khi có những phân tích về nguyên nhân, hậu quả, tác động của việc thực hiện một quyền nào đó của trẻ.

1.5. Các quyền cơ bản của trẻ khuyết tật

CRC có 41 điều khoản quy định các quyền khác nhau của tất cả mọi trẻ em và các quyền đó là không thể tách rời. Chúng ta có thể phân chia các quyền này thành 04 nhóm quyền sau:



a. Nhóm quyền sống còn

Quyền sống còn là một trong những quyền cơ bản, thiêng liêng nhất của con người. Trẻ em, bao gồm cả trẻ khuyết tật và trẻ không khuyết tật, với tư cách là chủ thể mang quyền đều được hưởng quyền được sống.

Nhóm quyền được sống còn bao gồm:

- Quyền được sống: *Các quốc gia thành viên thừa nhận rằng mỗi trẻ em đều có quyền được sống. Các quốc gia cần đảm bảo cho sự sống còn và phát triển của trẻ em ở mức cao nhất. (Điều 6 CRC)*

Quyền sống là một quyền được công nhận rộng rãi đối với tất cả mọi người và điều chỉnh tất cả các quyền hiện có khác. Đối với trẻ em, quyền được sống là cơ hội để có thể sống và có khả năng phát triển, phát triển và trở thành người lớn.

Liên quan đến quyền được sống, có hai vấn đề cần chú ý:

Thứ nhất, “sống còn” là một trong những thuật ngữ đặc thù. Do trẻ em, đặc biệt là trẻ em khuyết tật, là những chủ thể còn non nớt về cả thể chất và tinh thần, nên việc bảo vệ sự sống còn của trẻ không chỉ dừng lại ở việc đảm bảo trẻ không bị tước đoạt về tính mạng, mà còn phải đảm bảo trẻ được cung cấp dinh dưỡng và được dạy dỗ, chăm sóc tốt nhất.

Trẻ khuyết tật là nhóm đối tượng gặp nhiều nguy cơ đe dọa đến tính mạng và thân thể của trẻ như:

- Chiến tranh, bom mìn, tai nạn giao thông, điện, lửa, hóa chất, nước...;
- Những tổn thương do người lớn mang lại như: thiếu thực phẩm dinh dưỡng, thiếu chăm sóc y tế, xâm hại trẻ em (dưới mọi hình thức);

- Những tác động xấu từ môi trường: Khí thải, thiên tai, thực phẩm không an toàn...;
- Thiếu sự chăm sóc, yêu thương và hỗ trợ từ gia đình, bị bỏ rơi, cách ly khỏi xã hội;
- Bị phân biệt đối xử...

Thứ hai, sự phát triển của trẻ, bao gồm cả trẻ khuyết tật cần được hiểu một cách toàn diện, theo đó, không chỉ bao gồm phương diện thể chất, mà còn về các phương diện trí tuệ, tình cảm, đạo đức xã hội

Quyền được chăm sóc sức khỏe và y tế ở mức cao nhất có thể được: *trẻ em được hưởng tiêu chuẩn sức khỏe ở mức cao nhất có thể được và được tiếp cận các cơ sở chữa bệnh và phục hồi sức khỏe (Điều 24 CRC)*

Trong số 200 triệu trẻ khuyết tật, rất ít trẻ ở các nước đang phát triển có thể tiếp cận hiệu quả với các dịch vụ y tế và phục hồi chức năng. Tỷ lệ tử vong ở trẻ khuyết tật dưới 5 tuổi lên tới 80% ở một số quốc gia có thu nhập thấp². Tỷ lệ trẻ khuyết tật nặng đối mặt với cái chết là khá cao vì thiếu cơ sở chăm sóc sức khỏe ban đầu. Ngoài ra, các cơ sở phục hồi chức năng thường tập trung ở thành thị và chi phí khá đắt đỏ³.

Khi trẻ được xác định là trẻ khuyết tật, trẻ có khả năng bị mất cơ hội tiếp cận các dịch vụ chăm sóc cơ bản, bao gồm cả việc chăm sóc sức khỏe, đặc biệt ở các quốc gia có thu nhập thấp. Bên cạnh đó, trẻ khuyết tật thường xuyên phải điều trị bằng các can thiệp rất đau đớn, quá sức chịu đựng và ngoài mong muốn của trẻ.

Theo Điều 24 CRC và Bình luận chung số 04 được thông qua tại phiên họp lần thứ 33 năm 2003 của Ủy ban quốc tế quyền trẻ em, mỗi trẻ em, bao gồm cả trẻ khuyết tật đều có quyền được hưởng các quyền cơ bản trong việc chăm sóc sức khỏe, gồm:

- Được hưởng tiêu chuẩn sức khỏe ở mức cao nhất có thể được;
- Được tiếp cận các cơ sở chữa bệnh và phục hồi sức khỏe. Theo đó, các cơ sở chữa bệnh và phục hồi chức năng cần đảm bảo các tiêu chí tiếp cận cơ sở vật chất, tiếp cận trang thiết bị để trẻ khuyết tật có thể đến và sử dụng dịch vụ;
- Đảm bảo các biện pháp nhằm giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh và trẻ em;
- Cần có sự hỗ trợ y tế và chăm sóc sức khỏe dành cho trẻ khuyết tật, trong đó chú trọng việc chăm sóc sức khỏe ban đầu;
- Được tham gia các chương trình chống bệnh tật và nạn suy dinh dưỡng, kể cả trong khuôn khổ công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, chẳng hạn qua việc áp dụng các công nghệ sẵn có và qua việc cung cấp thức ăn đầy đủ dinh dưỡng và nước uống sạch, có tính đến những nguy cơ ô nhiễm môi trường;
- Chăm sóc sức khỏe thích hợp cho bà mẹ trước và sau sinh;
- Được tuyên truyền, giáo dục về chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng của trẻ cho cha mẹ và bản thân trẻ khuyết tật;
- Xóa bỏ những tập tục có hại cho sức khỏe của trẻ khuyết tật;
- Được đảm bảo có một môi trường an toàn và cảm thông cho trẻ khuyết tật, kể cả trong gia đình, nhà trường, các cơ sở nuôi dưỡng trẻ và trong toàn xã hội;

² Ủy ban về Quyền của Trẻ em, Bản tóm tắt Cuộc họp 418, CRC / C / SR.418, ngày 6 tháng 10 năm 1997

³ Groce, Nora Ellen, Tổng quan về thanh niên khuyết tật: Nhu cầu và quyền của họ, Phòng Chương trình UNICEF (Working Paper Series), New York, 1999

- Được tiếp cận những thông tin cần thiết cho sức khỏe và sự phát triển của bản thân, kỹ năng sống và có cơ hội tham gia vào quá trình ra những quyết định ảnh hưởng đến sức khỏe của trẻ khuyết tật;
- Được cung cấp các phương tiện, hàng hóa, dịch vụ chăm sóc sức khỏe, bao gồm dịch vụ hướng dẫn và các dịch vụ sức khỏe tinh thần và sức khỏe sinh sản, với chất lượng phù hợp cho trẻ và gia đình trẻ khuyết tật;
- Có cơ hội tham gia tích cực vào việc lập kế hoạch, lên chương trình cho sự phát triển và sức khỏe của chính các em;
- Được bảo vệ trong các trường hợp gặp tai nạn, bị cố ý hoặc vô ý gây thương tích, kể cả những thương tích do bạo lực và tai nạn giao thông;
- Được quan tâm bảo vệ thích đáng đối với các nguy cơ xâm hại;
- Được hỗ trợ phòng tránh những bất ổn về tinh thần và tăng cường sức khỏe tinh thần cho trẻ khuyết tật.

NHÓM QUYỀN SỐNG CÒN	
Điều 6 ⁴	- Công nhận mỗi trẻ em đều có quyền được sống - Đảm bảo tối đa cho sự sống và phát triển của trẻ em
Điều 24	- Công nhận trẻ có quyền được chăm sóc sức khỏe, được hưởng tiêu chuẩn y tế và các thiết bị chữa bệnh và phục hồi chức năng ở mức cao nhất có thể đạt được
Điều 7, 8, 9, 19, 20, 21, 23, 26, 27, 30, 32, 33, 34, 35 và 38	- Cung cấp lương thực đủ chất dinh dưỡng - Có được tình thương và sự quan tâm của gia đình và xã hội - Đảm bảo đầy đủ các dịch vụ y tế - Tạo ra các kỹ năng cần thiết cho cuộc sống - Nhận được sự giáo dục, có nơi ở và tăng cường sự chăm sóc - Tăng cường đào tạo để bảo đảm hoặc cải thiện cuộc sống

b. Nhóm quyền được bảo vệ

Bao gồm quyền được bảo vệ thoát khỏi mọi phân biệt đối xử, làm dụng hay không được quan tâm, bảo vệ trẻ không có gia đình hay trẻ tị nạn.

Trẻ khuyết tật có nguy cơ bị lạm dụng cao gấp năm lần so với trẻ không khuyết tật⁵. Trẻ khuyết tật có nguy cơ đối mặt với tất cả các hình thức lạm dụng về tinh thần, thể chất hoặc tình dục trong mọi môi trường, bao gồm gia đình, trường học, các cơ sở khác, bao gồm cơ sở chăm sóc, môi trường làm việc và cộng đồng nói chung.

TẠI SAO CẦN BẢO VỆ TRẺ KHUYẾT TẬT

- Do trẻ khuyết tật còn non nớt về thể chất, tinh thần và sự trải nghiệm cuộc sống. Do đó, bất cứ lúc nào trẻ cũng có thể rơi vào tình trạng nguy hiểm

⁴ Các điều khoản theo quy định của CRC
⁵ Bình luận chung số 9 năm 2006

- Trẻ khuyết tật thường gặp khó khăn và phụ thuộc người khác trong việc di chuyển, giao tiếp, thực hiện các hoạt động sinh hoạt cá nhân (như tắm giặt, thay đồ, vệ sinh cá nhân...);
- Trẻ khuyết tật thường bị cô lập bởi chính cha mẹ, anh chị em ruột, những người thân trong gia đình;
- Trẻ khuyết tật gặp những rào cản trong việc tiếp cận những hệ thống bảo vệ và hỗ trợ trẻ như hạn chế trong việc giao tiếp (đối với trẻ khuyết tật nghe nói, trẻ tự kỷ, trẻ khuyết tật trí tuệ...). Đồng thời, những ý kiến của trẻ thường không được coi trọng, thậm chí bị bỏ qua
- Cha mẹ hoặc người chăm sóc trẻ khuyết tật dễ bị áp lực hoặc căng thẳng do các vấn đề về thể chất, tài chính và tình cảm trong việc chăm sóc con của họ. Các nghiên cứu chỉ ra rằng những người bị căng thẳng có thể sẽ có hành vi lạm dụng.
- Trẻ khuyết tật thường bị hiểu nhầm là không thể quan hệ tình dục và không hiểu biết về cơ thể của mình và do đó có thể là mục tiêu của những người lạm dụng, đặc biệt là những người lạm dụng tình dục.

BẢO VỆ TRẺ KHỎI SỰ PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ

Phân biệt đối xử là sự đối xử khác biệt, loại trừ, cấm đoán hoặc ưu tiên đối với trẻ trên cơ sở khác biệt về chủng tộc, màu da, giới tính, tôn giáo, quan điểm chính trị hay các quan điểm khác; tài sản, hoàn cảnh xuất thân và các tình trạng khác gây trở ngại hoặc tổn hại đến vị thế, hoạt động và sự phát triển của trẻ

Hậu quả của việc phân biệt đối xử: sự phân biệt đối xử của người lớn và trẻ em hoặc giữa trẻ em với nhau đều làm cho trẻ thiếu tự tin vào bản thân, khiến trẻ thiếu cơ hội và điều kiện để phát triển đầy đủ tiềm năng.

Phân biệt đối xử và sự kỳ thị xã hội có thể dẫn đến việc trẻ khuyết tật bị cách ly và loại trừ khỏi đời sống xã hội, thậm chí có thể đe dọa sự sống còn và phát triển của trẻ. Phân biệt đối xử trong việc cung cấp các dịch vụ sẽ hạn chế việc trẻ khuyết tật được chăm sóc y tế, tham gia các hoạt động xã hội và tiếp cận hệ thống giáo dục. Việc hạn chế trong tiếp cận hệ thống giáo dục và đào tạo nghề sẽ khiến trẻ khuyết tật bị từ chối các cơ hội việc làm trong tương lai.

Trẻ khuyết tật có quyền được bảo vệ khỏi sự phân biệt đối xử giữa:

- Trẻ khuyết tật và trẻ không khuyết tật
- Trẻ em trai khuyết tật và trẻ em gái khuyết tật
- Trẻ thuộc gia đình có điều kiện kinh tế và trẻ thuộc gia đình có điều kiện kinh tế khó khăn
- Trẻ dân tộc thiểu số
- Trẻ khuyết tật ở các dạng tật khác nhau

Những việc cần làm để bảo vệ trẻ khuyết tật không bị phân biệt đối xử:

- Nâng cao nhận thức về quyền trẻ em cho mọi cấp, mọi ngành, mọi người và mọi trẻ em, bao gồm cả trẻ khuyết tật;
- Chú trọng đến việc thực hiện bình đẳng giữa trẻ khuyết tật và các trẻ em khác trong môi trường giáo dục và cộng đồng;
- Có các biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp vi phạm quyền của trẻ khuyết tật và đảm bảo các biện pháp khắc phục hậu quả này có thể dễ dàng tiếp cận và phù hợp với trẻ khuyết tật và cha mẹ trẻ khuyết tật

- Tăng cường giáo dục kỹ năng sống cho trẻ em khuyết tật để các em vươn lên tự khẳng định và biết tự bảo vệ mình trước mọi sự phân biệt đối xử

BẢO VỆ TRẺ KHUYẾT TẬT TRONG NHỮNG TRƯỜNG HỢP KHỦNG HOẢNG VÀ KHẨN CẤP

Khủng hoảng/khẩn cấp đối với trẻ em khuyết tật là tình trạng rối loạn, thiếu hụt, mất cân bằng nghiêm trọng do những yếu tố bên ngoài tác động, có thể ảnh hưởng xấu đến sự phát triển thể chất, tinh thần, xã hội và hoạt động học tập của trẻ em.

Hậu quả của việc trẻ khuyết tật bị bỏ rơi trong tình trạng khủng hoảng/khẩn cấp: tất cả trẻ em, đặc biệt là trẻ khuyết tật đều có thể bị rơi vào những hoàn cảnh phải chịu đựng những khó khăn, mất mát như khi trẻ sống trong vùng thiên tai, thảm họa chiến tranh, bị bỏ rơi.... Trong những trường hợp đó, trẻ khuyết tật luôn là những người chịu tổn thương nặng nề nhất về cả thể chất, tinh thần và tình cảm. Các em bị thiếu thốn những điều kiện tối thiểu để sống và phát triển.

Những việc cần làm để bảo vệ trẻ khuyết tật

Thúc đẩy việc phục hồi chức năng và tái hòa nhập xã hội cho trẻ khuyết tật để trẻ ổn định sau những trường hợp khủng hoảng và khẩn cấp

Xây dựng chính sách hỗ trợ nguồn lực cho các hộ gia đình rơi vào tình trạng khủng hoảng/khẩn cấp sớm ổn định

Xây dựng chương trình/chính sách hỗ trợ học tập và chất lượng cuộc sống của trẻ khuyết tật

Xây dựng quỹ phòng chống thiên tai, tình huống khẩn cấp ở các cấp địa phương nhằm đảm bảo đủ nguồn lực ổn định cho việc khắc phục khó khăn, hạn chế mức thấp nhất những hậu quả gây tác động xấu đến tính mạng và đời sống của trẻ khuyết tật

BẢO VỆ TRẺ KHUYẾT TẬT TRONG CÁC TRƯỜNG HỢP LẠM DỤNG, BÓC LỘT TRẺ

Lạm dụng/bóc lột trẻ: là bất kỳ một hành vi hoặc yếu tố tình huống của cá nhân/tổ chức hay cộng đồng như xâm phạm đến thể chất/tình cảm/nhân cách, lạm dụng tình dục, ngược đãi, sao nhãng, bỏ rơi, sử dụng quá mức lao động, hoặc khai thác thương mại, tước đoạt quyền và sự tự do của trẻ, gây nguy hại đến sự phát triển thể chất, tinh thần, xã hội và hoạt động học tập của trẻ khuyết tật.

Hậu quả của việc trẻ khuyết tật bị bóc lột/lạm dụng: Trẻ bị ảnh hưởng tiêu cực về sự phát triển thể chất, tinh thần và xã hội như mặc cảm, tự ti, lo lắng/ sợ hãi, sự tự trọng thấp, dễ mắc phải tệ nạn xã hội, tự hại bản thân, nguy cơ tự tử tăng.... Những hậu quả này không chỉ tác động trong thời điểm hiện tại mà còn kéo dài, thậm chí suốt cuộc đời.

Những việc cần làm để bảo vệ trẻ khuyết tật

- Cha mẹ trẻ khuyết tật, người chăm sóc tẻ hoặc những người khác chăm sóc đứa trẻ để hiểu được những rủi ro và dấu hiệu lạm dụng trẻ em;

- Cha mẹ trẻ khuyết tật cần cảnh giác về việc lựa chọn người chăm sóc và cơ sở chăm sóc trẻ và nâng cao khả năng phát hiện lạm dụng;

- Đảm bảo trẻ khuyết tật nhận thức được quyền được bảo vệ và tôn trọng, Đồng thời, trẻ và gia đình trẻ khuyết tật có quyền khiếu nại với các cơ quan có thẩm quyền khi quyền của trẻ bị vi phạm;

- Đảm bảo rằng có các biện pháp bảo vệ trẻ khuyết tật không bị bắt nạt và kỳ thị tại trường học;
- Đảm bảo các cơ sở chăm sóc trẻ khuyết tật có nhân viên được đào tạo chuyên biệt và đảm bảo các tiêu chuẩn phù hợp;
- Thiết lập cơ chế khiếu nại, tố cáo dễ tiếp cận và phù hợp với trẻ khuyết tật và gia đình trẻ khuyết tật;
- Đảm bảo việc điều trị và tái hòa nhập cho trẻ khuyết tật là nạn nhân của các hành vi lạm dụng và bạo lực.

NHÓM QUYỀN ĐƯỢC BẢO VỆ	
Điều 2	Không phân biệt đối xử
Điều 7	Quyền có họ tên và quốc tịch
Điều 8	Quyền giữ gìn bản sắc
Điều 10	Quyền được sống với cha mẹ
Điều 11	Quyền được bảo vệ không bị đưa đi nước ngoài trái phép và không bị đưa trở về
Điều 16	Quyền được bảo vệ riêng tư
Điều 19	Quyền được bảo vệ khỏi sự bỏ rơi, ngược đãi và lạm dụng
Điều 20	Quyền được hưởng sự chăm sóc thay thế đối với những trẻ em mất môi trường gia đình
Điều 21	Quyền được nhận làm con nuôi
Điều 22	Quyền của trẻ em tị nạn
Điều 23	Quyền của trẻ khuyết tật
Điều 25	Quyền được định kỳ xem xét môi trường thay thế
Điều 27	Quyền được hưởng mức sống thích hợp cho sự phát triển toàn diện
Điều 30	Quyền của trẻ em dân tộc thiểu số và bản xứ được hưởng nền văn hóa, theo tôn giáo và tiếng nói của cộng đồng mình
Điều 32	Quyền được bảo vệ khỏi sự bóc lột kinh tế
Điều 33	Quyền được bảo vệ khỏi tệ nạn ma túy
Điều 34	Quyền được bảo vệ khỏi sự lạm dụng tình dục
Điều 35	Quyền được bảo vệ khỏi sự mua bán, bắt cóc
Điều 36	Quyền được bảo vệ khỏi các hình thức bóc lột khác
Điều 37	Quyền được bảo vệ không bị giam giữ vô cớ, bị tra tấn, nhục hình
Điều 38	Quyền được bảo vệ khỏi ảnh hưởng của các cuộc xung đột vũ trang
Điều 39	Quyền được chăm sóc phục hồi
Điều 40	Quyền được xét xử công bằng

c, Nhóm quyền được phát triển

Sự phát triển của trẻ em là một quá trình trong đó có những nhu cầu phát triển về thể chất, tinh thần và các kỹ năng xã hội được tích lũy, tạo ra những thay đổi về chất và lượng. Ở những độ tuổi khác nhau, với những nhiệm vụ khác nhau, trẻ có những đặc điểm, nhu cầu và khả năng khác nhau. Vì vậy ở mỗi giai đoạn, trẻ em cần có những nhu cầu cần đáp ứng thích hợp, có những hoạt động phù hợp để trẻ phát triển toàn diện.

Các yếu tố cần thiết cho sự phát triển toàn diện của trẻ: bao gồm cả vật chất lẫn tinh thần, về sự phát triển cơ thể, tư tưởng, tình cảm hướng tới một nhân cách toàn diện.

Các quyền được phát triển: Bao gồm mọi hình thức giáo dục (chính thức hoặc không chính thức) và quyền có mức sống đầy đủ cho sự phát triển về thể lực, trí tuệ, tinh thần, đạo đức và xã hội của trẻ.

QUYỀN ĐƯỢC GIÁO DỤC

Quyền được giáo dục của trẻ khuyết tật được quy định tại Điều 28, 29 CRC và Điều 24 CRPD. Theo đó, trẻ khuyết tật có quyền được học tập giống như tất cả trẻ em khác và không bị phân biệt đối xử khi thực hiện quyền này. Cụ thể:

- Được tôn trọng danh dự, nhân phẩm
- Có hệ thống giáo dục ở mọi cấp và học tập suốt đời cho trẻ khuyết tật cùng với trẻ không khuyết tật trên cơ sở sở bình đẳng về cơ hội;
- Được phát triển trọn vẹn năng lực tiềm tàng của con người, nhận thức về nhân cách và phẩm giá, củng cố sự tôn trọng quyền con người, các tự do cơ bản và tính đa dạng của loài người;
- Được phát triển trọn vẹn tiềm năng về tính cách, tài năng, sáng tạo, cũng như những năng lực thể chất và tinh thần;
- Không bị loại khỏi hệ thống giáo dục tiểu học bắt buộc, giáo dục trung học, giáo dục phổ thông trên cơ sở sự khuyết tật;
- Được tiếp cận giáo dục tiểu học và trung học cơ sở có chất lượng tốt và miễn phí trên cơ sở bình đẳng với những trẻ khác;
- Được đảm bảo những điều chỉnh hợp lý, sự trợ giúp cần thiết trên cơ sở nhu cầu cá nhân của từng trẻ khuyết tật như:
 - Được học chữ Braille, chữ viết thay thế, các cách thức, phương tiện và dạng giao tiếp hoặc định hướng tăng cường hoặc thay thế, kỹ năng di chuyển, đối với trẻ khiếm thị, trẻ mù;
 - Được tạo thuận lợi cho việc học ngôn ngữ ký hiệu và khuyến khích phát triển bản sắc ngôn ngữ của cộng đồng người khiếm thính;
 - Được đảm bảo giáo dục bằng những ngôn ngữ, cách thức và phương tiện giao tiếp thích hợp nhất cho trẻ đó.
- Được đảm bảo có giáo viên, trong đó có giáo viên khuyết tật, có trình độ về ngôn ngữ ký hiệu và/hoặc chữ Braille, đào tạo chuyên gia và nhân viên ở mọi cấp giáo dục. Việc đào tạo này phải bao gồm nâng cao nhận thức về người khuyết tật và sử dụng các cách thức, phương tiện và dạng giao tiếp tăng cường hoặc thay thế, kỹ thuật và cơ sở vật chất giáo dục để hỗ trợ người khuyết tật

NHÓM QUYỀN ĐƯỢC PHÁT TRIỂN	
Điều 17	Thông tin
Điều 28 và 29	Giáo dục
Điều 31	Vui chơi giải trí và tham gia các hoạt động văn hóa xã hội
Điều 14	Tự do tư tưởng, tự do tín ngưỡng
Điều 5, 6, 13, 14, 15	Phát triển nhân cách (về mặt xã hội, tâm lý)
Điều 6, 7	Có lý lịch cá nhân (quốc tịch, tên...)
Điều 24	Phát triển sức khỏe và thể lực
Điều 12 và 13	Quyền được lắng nghe
Điều 9, 10 và 11	Gia đình

d. Nhóm quyền được tham gia

Sự tham gia của trẻ là một quá trình trong đó trẻ có cơ hội thể hiện vai trò chủ động nhất định, trong các loại hình hoạt động dưới những hình thức phù hợp với độ tuổi, hoàn cảnh, điều kiện và khả năng của các em, cộng với sự hỗ trợ của người lớn. Qua đó, trẻ có thể tiếp cận với thông tin, bày tỏ ý kiến của bản thân và được người lớn lắng nghe, được bàn bạc và cùng ra quyết định trong những việc có liên quan đến trẻ và nhằm mục đích giúp trẻ phát triển tốt nhất.

Tại sao trẻ em cần được tham gia

- Để lắng nghe trẻ
- Để hiểu và tôn trọng trẻ hơn
- Để xây dựng lòng tin cho trẻ
- Để thúc đẩy sự năng động và sáng tạo của trẻ
- Để đảm bảo quyền của trẻ
- Để trẻ có cơ hội ra các quyết định liên quan đến trẻ
- Để trẻ được phát triển tích cực và toàn diện hơn
- Để thúc đẩy khả năng hợp tác của trẻ

Các yếu tố đảm bảo sự tham gia của trẻ khuyết tật

- Cung cấp thông tin cho trẻ
- Tôn trọng những điều trẻ nói
- Tôn trọng những điều trẻ muốn làm

Các mức độ tham gia của trẻ

Người lớn điều khiển: Trẻ em làm hoặc nói những gì người lớn gợi ý cho chúng. Trẻ tham gia vào 1 sự kiện cho người lớn sắp đặt

Trẻ được thông báo và giao nhiệm vụ: người lớn quyết định công việc, trẻ em làm việc đó và hiểu được việc mình phải làm. Trẻ được nói lên suy nghĩ của mình nhưng không có sự lựa chọn về hình thức tham gia;

Người lớn khởi xướng quyết định cùng trẻ: Người lớn khởi xướng, trẻ được tham gia từ khâu kế hoạch và thực hiện. Trẻ được tham gia vào việc ra quyết định.

Trẻ khởi xướng cùng người lớn quyết định công việc: trẻ khởi xướng, xây dựng công việc, trẻ cần ở người lớn những lời khuyên và sự hỗ trợ;

Trẻ tự điều khiển: Trẻ khởi xướng, lập kế hoạch và thực hiện. Người lớn giám sát và hỗ trợ trẻ khi cần

- Những điều cần chú ý khi khuyến khích sự tham gia của trẻ khuyết tật
- Hãy nhớ, trẻ em là một con người
- Không đánh giá thấp khả năng của trẻ
- Không làm hộ trẻ những việc trẻ có thể tự làm được
- Hãy lắng nghe và tôn trọng ý kiến của trẻ
- Hãy cho trẻ có cơ hội diễn đạt cảm xúc của mình
- Hãy giải thích rõ các quyết định của mình
- Hãy động viên, khuyến khích trẻ tự đưa ra quyết định hoặc tự làm những việc có thể làm được
- Kiên nhẫn và nhạy cảm
- Cung cấp thông tin kịp thời cho trẻ
- Không so sánh trẻ với những đứa trẻ khác

NHÓM QUYỀN ĐƯỢC THAM GIA	
Điều 12	Đảm bảo trẻ có khả năng hình thành quan điểm, bày tỏ quan điểm. Coi trọng ý kiến của trẻ
Điều 13	Tự do biểu đạt, tìm kiếm, tiếp nhận và phổ biến thông tin, tư tưởng
Điều 14	Tự do tư tưởng, tín ngưỡng và tôn giáo có sự hướng dẫn thích hợp
Điều 15	Tự do kết giao và hội họp
Điều 16	Được hưởng và bảo vệ sự riêng tư
Điều 17	Tiếp cận thông tin thích hợp
Điều 29	Vai trò của giáo dục để giúp trẻ tham gia vào xã hội
Điều 30	Trẻ dân tộc thiểu số có quyền thực hành theo nền văn hóa, tôn giáo và ngôn ngữ của bản thân
Điều 42	Quyền được tiếp cận thông tin

2. Quyền của trẻ khuyết tật theo quy định của pháp luật Việt Nam

Năm 2010, Luật người khuyết tật Việt Nam được xây dựng và có hiệu lực từ ngày 01/01/2011 xây dựng khái niệm: “*Người khuyết tật là người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn*”. Năm 2016, Việt Nam ban hành Luật trẻ em số 102/2016/QH13 quy định **trẻ em** là người **dưới 16 tuổi**.

Như vậy, theo quy định của pháp luật Việt Nam, **trẻ em khuyết tật** là người **dưới 16 tuổi**, bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn.

So sánh với khái niệm trẻ em khuyết tật theo pháp luật quốc tế, khái niệm của pháp luật Việt Nam vẫn còn tập trung nhiều vào vấn đề khiếm khuyết của cá nhân trẻ có khuyết tật hơn là những rào cản mà trẻ khuyết tật gặp phải.

Điều 35 Luật trẻ em 2016 quy định:

Trẻ em khuyết tật được hưởng đầy đủ các quyền của trẻ em và quyền của người khuyết tật theo quy định của pháp luật; được hỗ trợ, chăm sóc, giáo dục đặc biệt để phục hồi chức năng, phát triển khả năng tự lực và hòa nhập xã hội.

Các quyền cơ bản của trẻ khuyết tật được quy định tập trung nhất trong hai đạo luật là Luật trẻ em 2016 (từ Điều 12 đến Điều 34) và Luật người khuyết tật 2010 (Điều 4, Chương II, III, IV, VI, VII, VIII)

Nhìn chung, hiện nay pháp luật Việt Nam đã điều chỉnh đủ 04 nhóm quyền cơ bản của trẻ em khuyết tật, phù hợp với các văn kiện pháp lý quốc tế về quyền của trẻ em. Trong đó, pháp luật Việt Nam chủ yếu tập trung vào 03 nhóm quyền cơ bản gồm: quyền sống còn, quyền được bảo vệ và quyền được phát triển.

B CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC HÒA NHẬP DÀNH CHO TRẺ KHUYẾT TẬT

1. Quan điểm, chính sách về tham gia giáo dục hòa nhập của trẻ khuyết tật trên thế giới

Giáo dục hoà nhập đã được đề cập trong chính sách giáo dục của mọi quốc gia trên toàn thế giới. Năm 1994, Tuyên bố Salamanca của UNESCO đã nêu ra sự cần thiết phải thực hiện giáo dục hòa nhập và các nguyên tắc về giáo dục hòa nhập đã được sự đồng thuận rộng rãi của các quốc gia trên thế giới. Kể từ thời điểm đó, những nguyên tắc này đã được củng cố bởi nhiều công ước, tuyên bố và đề xuất ở cấp châu Âu và toàn cầu, trong đó có Công ước Liên hợp quốc về Quyền của Người khuyết tật (2006). Công ước này đã làm rõ tầm quan trọng của việc đảm bảo một hệ thống giáo dục hoà nhập. Tuyên bố thế giới về Giáo dục cho mọi người (Education for All-EFA) được thông qua ở Jomtien, Thái Lan năm 1990 đã đưa ra một cái nhìn tổng thể: phổ cập tiếp cận giáo dục cho tất cả trẻ em, thanh thiếu niên và người lớn, thúc đẩy bình đẳng. Giáo dục hoà nhập là một quá trình tăng cường năng lực cho hệ thống giáo dục để tiếp cận với mọi người học và vì thế, giáo dục hoà nhập được coi là một chiến lược quan trọng để đạt được Giáo dục cho mọi người (EFA)⁶.

Định hướng chính sách của UNESCO về giáo dục hoà nhập (2009) đã đưa ra các luận cứ để nỗ lực hướng tới việc thực thi giáo dục hoà nhập và giáo dục cho mọi người:

Luận cứ về giáo dục: Trường hòa nhập phải phát triển những cách giảng dạy để đáp ứng với những khác biệt và lợi cho tất cả trẻ em.

Luận cứ xã hội: Trường hòa nhập có thể thay đổi thái độ đối với sự đa dạng và hình thành hình mẫu cho một xã hội không phân biệt đối xử.

Luận cứ kinh tế: Trường học cho mọi người tiết kiệm chi phí hơn so với việc thành lập và duy trì những trường “đặc biệt” cho các nhóm trẻ khác nhau⁷.

⁶ Tuyên bố Salamanca và Cương lĩnh hành động về giáo dục theo nhu cầu đặc biệt, Hội Nghị thế giới về giáo dục trẻ em có nhu cầu đặc biệt: khả năng tiếp cận và chất lượng, Salamanca, Tây Ban Nha, 1994, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2002.⁵ Bình luận chung số 9 năm 2006

⁷ UNESCO (2009) *Policy Guidelines on Inclusive Education*. Paris: UNESCO

Trong nhiều thập kỉ qua, hàng loạt các văn bản pháp lý quốc tế ra đời, thiết lập các tiêu chuẩn làm nền tảng và đề ra các yếu tố trung tâm cần phải giải quyết để đảm bảo Quyền đối với Tiếp cận giáo dục, Quyền đối với Chất lượng giáo dục và quyền được Tôn trọng trong môi trường giáo dục. Giáo dục hoà nhập được dựa trên những khung pháp lý thông qua các văn bản pháp lý quốc tế như các công ước, các khuyến nghị và tuyên bố quốc tế (UNESCO,2009).

Năm ra đời	Tên của văn bản	Nội dung chính liên quan đến giáo dục hoà nhập.
2007	Tuyên bố đa quốc gia về Quyền của các dân tộc bản địa	Công nhận quyền của các gia đình và cộng đồng bản xứ để duy trì trách nhiệm chia sẻ về giáo dục, đào tạo và phúc lợi xã hội cho con em của họ, phù hợp với các quyền của trẻ em; các dân tộc bản địa có quyền thành lập và kiểm soát ngôn ngữ riêng của họ theo một cách thức phù hợp với các phương pháp văn hoá đối với việc dạy và học.
2006	Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật	Giáo dục tiểu học hoặc trung học là miễn phí, bắt buộc và không có loại trừ đối với người khuyết tật. Đảm bảo một hệ thống giáo dục toàn diện ở mọi cấp học và đáp ứng học tập suốt đời. Bình đẳng về phẩm giá và tôn trọng tất cả các văn
2005	Công ước về Bảo vệ và Thúc đẩy sự đa dạng trong biểu đạt văn hoá	hoá bao gồm cả các nền văn hoá của những người thuộc các ngôn ngữ thiểu số. Tiếp cận với giáo dục cơ bản miễn phí để đào tạo
1999	Công ước về Nghiêm cấm và có hành động tức thì loại bỏ sự tồi tệ của các hình thức lao động trẻ em.	nghề cho mọi trẻ em nhằm thoát khỏi các hình thức lao động trẻ em tồi tệ.
1994	Tuyên bố Salamanca	Khẳng định sự khác biệt của con người là bình thường và vì vậy việc học tập cần được điều chỉnh để phù hợp với nhu cầu của trẻ. Mỗi người khuyết tật có quyền bày tỏ mong muốn của họ về giáo dục ngay khi nhu cầu được xác định. Cha mẹ có quyền được tư vấn về các hình thức giáo dục phù hợp nhất với nhu cầu, hoàn cảnh và nguyện vọng của con cái họ.
1990	Công ước quốc tế về Bảo vệ quyền của các gia đình lao động nhập cư và các thành viên trong gia đình họ.	Tạo điều kiện thuận lợi cho việc dạy tiếng mẹ đẻ cho trẻ em của các gia đình lao động nhập cư.
1989	Công ước về quyền trẻ em	Quyền miễn phí và tham gia giáo dục tiểu học bắt buộc mà không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào. Nhấn mạnh đến hạnh phúc và sự phát triển của trẻ em và các biện pháp hỗ trợ chăm sóc trẻ em.

1989	Công ước về các bộ lạc và người bản địa ở các nước độc lập	Quyền được giáo dục đó là đáp ứng với văn hoá và nhu cầu của người dân bản địa. Xóa bỏ định kiến, đảm bảo rằng sách giáo khoa và các tài liệu giáo dục đưa ra một sự công bằng, chính xác và thông tin đầy đủ về nền văn hoá của các dân tộc.
1979	Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ	Xóa bỏ sự phân biệt đối xử với phụ nữ trong mọi lĩnh vực của giáo dục. Xóa bỏ các khái niệm cứng nhắc về vai trò của đàn ông và phụ nữ bằng việc khuyến khích đồng giáo dục, sửa đổi sách giáo khoa, các chương trình trong trường học và điều chỉnh các phương pháp dạy học.
1965	Công ước quốc tế về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc	Áp dụng các biện pháp, đặc biệt là trong dạy học, giáo dục, văn hoá và thông tin nhằm chống lại những định kiến dẫn đến phân biệt chủng tộc.
1960	Công ước chống lại sự phân biệt đối xử trong giáo dục	Đề cập đến quyền về Tiếp cận giáo dục và quyền về chất lượng giáo dục.
1948	Tuyên bố thế giới về quyền con người	Mọi người có quyền về giáo dục. Giáo dục sẽ được miễn phí ít nhất là bậc tiểu học và các cấp học cơ bản. Giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc.

(Nguồn: UNESCO (2009) *Policy Guidelines on Inclusive Education*, Paris)

2. Quan điểm, chính sách pháp lý về tham gia giáo dục hòa nhập của trẻ khuyết tật tại Việt Nam

Kể từ đầu những năm 1990, Chính phủ Việt Nam đã tiến hành xây dựng các chính sách nhằm đảm bảo trẻ khuyết tật được tiếp cận giáo dục. Vấn đề này đã được đề cập đến trong kế hoạch quốc gia “Giáo dục hoà nhập đến 2015” với mục tiêu cung cấp giáo dục hoà nhập cho tất cả trẻ khuyết tật vào năm 2015.

Đảm bảo quyền bình đẳng và cơ hội tiếp cận giáo dục cho trẻ khuyết tật được thể hiện trong nhiều văn bản pháp lý của Việt Nam như: Hiến pháp các năm 1946, 1959, 1980, 1992 đều quy định việc đảm bảo các quyền công dân, nghiêm cấm mọi hành vi phân biệt đối xử, ngược đãi. Bên cạnh đó các Bộ Luật và Luật có các quy định riêng theo từng Chương, mục hoặc một số điều dành riêng cho người khuyết tật về các chế độ chính sách, giải pháp trợ giúp và chăm sóc. Việt Nam cũng có một hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đề cập đến quyền của trẻ khuyết tật và việc tiếp cận giáo dục⁸⁹.

⁸ UNESCO (2009) *Policy Guidelines on Inclusive Education*. Paris: UNESCO

⁹ UNICEF (2015), *Sự sẵn sàng cho giáo dục trẻ khuyết tật, nghiên cứu tại 8 tỉnh ở Việt Nam*, NXB Hồng Đức

Điều 10 Luật Giáo dục 2005, sửa đổi bổ sung 2009

“Nhà nước thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, tạo điều kiện để ai cũng được học hành. Nhà nước và cộng đồng giúp đỡ để người nghèo được học tập, tạo điều kiện để những người có năng khiếu phát triển tài năng.

Nhà nước ưu tiên, tạo điều kiện cho con em dân tộc thiểu số, con em gia đình ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi, người tàn tật, khuyết tật và đối tượng được hưởng chính sách xã hội khác thực hiện quyền và nghĩa vụ học tập của mình.”

Mục tiêu phát triển giáo dục đến năm 2020

“Đến năm 2020, tỷ lệ đi học đúng tuổi ở tiểu học là 99%, trung học cơ sở là 95% và 80% thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ học vấn trung học phổ thông và tương đương; có 70% trẻ em khuyết tật được đi học.”

Tên Văn bản	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành	Nội dung
UNCRPD	Tháng 11/2014	Quốc hội thông qua	Việc thông qua Công ước Liên Hợp quốc về Quyền của Người khuyết tật (UNCRPD) chứng tỏ cam kết của Chính phủ Việt Nam trong việc bảo vệ quyền của người khuyết tật ở mọi lứa tuổi.
Công ước Liên hiệp quốc về Quyền trẻ em (UNCRC)	1990	Quốc hội	Cam kết của chính phủ trong việc đảm bảo các quyền cơ bản của trẻ em bao gồm: quyền sống, quyền được phát triển tiềm năng; quyền được bảo vệ khỏi ảnh hưởng xấu, không bị lạm dụng và bóc lột và quyền được tham gia đầy đủ vào cuộc sống gia đình, văn hoá, xã hội.
Điều 50 trong Hiến pháp Việt Nam	1992	Quốc Hội	Đảm bảo các quyền về chính trị, kinh tế, văn hoá và xã hội cho tất cả công dân Việt Nam. Nhà nước đảm bảo hỗ trợ cho người khuyết tật, người già và trẻ mồ côi.
Luật Người khuyết tật	2010	Quốc hội	Đảm bảo chăm sóc và phúc lợi cho người khuyết tật và đảm bảo quyền bình đẳng và cơ hội giáo dục đầy đủ cho mọi công dân.
Luật Giáo dục	2005 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009)	Quốc hội	Nêu rõ giáo dục cơ sở cho mọi công dân (từ tiểu học lên trung học cơ sở) và ưu tiên phân bổ nguồn lực (như giáo viên, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị và ngân sách) cho các trường, lớp dạy học sinh khuyết tật.
Luật Trẻ em	2016	Quốc hội	Quy định các quyền của trẻ em về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trong đó trẻ em khuyết tật thuộc đối tượng trẻ có hoàn cảnh đặc biệt cần được quan tâm, hỗ trợ.

Nghị định số 28	2012	Chính phủ	Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Người khuyết tật 2010 trong đó có quy định về phụ cấp, chính sách ưu đãi dành cho giáo viên đang trực tiếp giảng dạy hoà nhập cho trẻ khuyết tật
Nghị định 46	2017	Chính phủ	Quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, trong đó quy định về cơ cấu công trình, phòng học phù hợp với người khuyết tật tham gia giáo dục hoà nhập
Thông tư Liên tịch số 42	2013	Bộ GD&ĐT, Bộ TC và Bộ LĐ,TB&XH	Ban hành hướng dẫn về việc nhập học, tuyển sinh, miễn giảm học phí và một phần nội dung chương trình và cho phép các trường yêu cầu nguồn kinh phí để hỗ trợ giáo dục hoà nhập cho trẻ khuyết tật.
Thông tư số 50	2012	Bộ GD&ĐT	Sửa đổi bổ sung quy định về việc nâng độ tuổi học lớp 1 cho trẻ khuyết tật từ 6 lên 14 tuổi.
Thông tư số 33	2010	Bộ GD&ĐT	Ban hành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm về giáo dục hoà nhập
Thông tư liên tịch số 37	2012	Bộ GD&ĐT	Quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện
Thông tư liên tịch số 34	2012	Bộ TC, Bộ YT và Bộ LĐ,TB&XH Bộ YT và Bộ LĐTBXH	Quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng giám định y khoa thực hiện
Quyết định số 49	2007	Bộ GD &ĐT	Ban hành chương trình Bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phụ trách mảng giáo dục hoà nhập cho học sinh khuyết tật cấp trung học cơ sở.
Quyết định số 23	2006 2017	Bộ GD &ĐT	Về giáo dục hoà nhập dành cho người khuyết tật; tuyên bố người khuyết tật được tiếp cận giáo dục phổ thông trên cơ sở bình đẳng như những người khác để hoà nhập tốt hơn với cộng đồng.
Quyết định số 2161		BGD&ĐT	Ban hành Kế hoạch thực hiện mục tiêu phát triển bền vững giáo dục đào tạo đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

Các chính sách và pháp luật để hỗ trợ người khuyết tật ban hành ở cấp quốc gia đã được áp dụng và triển khai trên toàn quốc. Tuy nhiên, tùy thuộc vào các nguồn lực địa phương, việc thi hành và thực hiện chính sách đa dạng và mức độ của dịch vụ trợ giúp người khuyết tật là khác nhau. Việt Nam đã triển khai chính sách giáo dục hòa nhập từ năm 2005.

3. Các mô hình giáo dục cho trẻ khuyết tật

3.1. Mô hình giáo dục chuyên biệt

- *Khái niệm*

Giáo dục chuyên biệt là phương thức giáo dục tách biệt trẻ em có các dạng khuyết tật khác nhau vào các cơ sở giáo dục riêng. Đây là mô hình giáo dục xuất hiện sớm nhất trong lịch sử giáo dục trẻ khuyết tật. Nó được thực hiện từ những năm đầu thế kỉ XI tại các nước Pháp, Đức, Tây Ban Nha và một số nước Châu Âu khác. Đầu tiên, một số tu sĩ tập hợp những trẻ mù, trẻ điếc vào các lớp học trong nhà thờ để dạy, dần dần cách dạy này phổ biến và trở thành hệ thống các trường chuyên biệt dạy trẻ khuyết tật. Mỗi loại khuyết tật lại được chia thành những loại nặng nhẹ khác nhau (rất nặng, nặng, trung bình, nhẹ) được dạy trong những lớp học, những trường riêng theo những nội dung, phương pháp riêng tách biệt với hệ thống giáo dục quốc dân.

- *Mục tiêu*

Trong mô hình giáo dục chuyên biệt, trẻ khuyết tật là đối tượng giáo dục được chăm sóc, chữa trị, huấn luyện để trở thành bình thường. Đây là mô hình y tế thuần túy. Trẻ khuyết tật được học theo một chương trình được thiết kế riêng biệt tùy theo từng dạng tật và theo từng mức độ tật. Giáo viên dạy trẻ là những người được đào tạo một cách đặc biệt về giáo dục trẻ khuyết tật. Bên cạnh đó trẻ cũng được chữa trị, tập luyện, phục hồi chức năng để sớm trở lại như bình thường. Như vậy, trẻ khuyết tật được chăm sóc, chữa trị theo một chương trình được thiết kế đặc biệt dành riêng cho trẻ, phù hợp với mức độ tật của từng trẻ. Điều đó có ý nghĩa trực tiếp và tích cực tới sự phát triển của trẻ.

- *Hạn chế:* Bên cạnh những mặt tích cực trên mô hình giáo dục chuyên biệt cho trẻ khuyết tật bộc lộ một số vấn đề tồn tại sau:

- Tồn tại cơ bản của mô hình này là quan điểm đánh giá trẻ khuyết tật, coi trẻ khuyết tật là những trẻ thấp kém, không có khả năng sống và học tập như những trẻ khác. Người ta chú ý tới hạn chế của trẻ nhiều hơn là khả năng.

- Quá trình tách biệt sẽ mang lại cho trẻ những mặc cảm, tự ti. Nó là cản trở lớn nhất làm cho trẻ không phát triển hết khả năng của mình. Hơn nữa mô hình này khiến trẻ tách biệt khỏi cộng đồng, điều này khiến trẻ khó có thể trở thành những thành viên bình đẳng trong xã hội.

- Thực hiện mô hình giáo dục chuyên biệt rất tốn kém. Chi phí dành cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng, đào tạo giáo viên là rất lớn. Mặt khác, mô hình này chỉ đáp ứng nhu cầu chăm sóc giáo dục cho một số lượng trẻ khuyết tật nhất định, phần lớn trẻ khuyết tật sẽ không được tới trường.

3.2. Mô hình giáo dục hòa nhập

- *Khái niệm*

Mô hình này lần đầu tiên xuất hiện ở một số nước Châu Âu như Bắc Mỹ, New Zealand với ý tưởng tôn trọng giá trị và bình đẳng cho mọi người. Với mục tiêu giúp trẻ khuyết tật hoà nhập với cộng đồng, tư tưởng giáo dục hoà nhập sớm được cộng đồng quốc tế ủng hộ.

Mô hình giáo dục hoà nhập tôn trọng tính đa dạng, nhu cầu và khả năng của mỗi trẻ khuyết tật. Trẻ được theo học trong các trường phổ thông ngay tại nơi sinh sống. Nội dung chương trình và phương pháp dạy học được điều chỉnh nhằm phát huy tối đa những khả năng của trẻ.

- *Bản chất của giáo dục hoà nhập*

- Tư tưởng, yếu tố đầu tiên của giáo dục hoà nhập là giáo dục cho mọi đối tượng học sinh. Trong mô hình này không có sự tách biệt giữa các học sinh với nhau. Mọi học sinh đều được tôn trọng và có giá trị như nhau.

- Trẻ khuyết tật được học ngay tại nơi mình sinh sống.

- Mọi học sinh đều được hưởng cùng một chương trình giáo dục phổ thông. Điều này vừa thể hiện sự bình đẳng trong giáo dục vừa thể hiện sự tôn trọng học sinh. Mọi học sinh đều có quyền được hưởng một nền giáo dục như nhau.

- Điều chỉnh chương trình, đổi mới phương pháp dạy học và các quan điểm, cách đánh giá.

- Điều chỉnh chương trình là việc làm tất yếu của giáo dục hoà nhập, có điều chỉnh chương trình cho phù hợp thì mới đáp ứng nhu cầu giáo dục cho mọi trẻ em có nhu cầu, năng lực khác nhau.

- Giáo dục hoà nhập không đánh đồng mọi trẻ em như nhau. Mỗi đứa trẻ là một cá nhân, một nhân cách có năng lực, cách học khác nhau, tốc độ học không như nhau. Vì thế điều chỉnh chương trình cho phù hợp là cần thiết.

- Dạy học một cách sáng tạo, tích cực và hợp tác.

- Trong dạy học hoà nhập, tạo ra được cho trẻ kiến thức chung, tổng thể, cân đối.

• *Tính tất yếu của giáo dục hoà nhập*

Giáo dục hoà nhập là một xu thế, là tất yếu của thời đại.

Thứ nhất: Giáo dục hoà nhập đáp ứng mục tiêu giáo dục:

UNESCO đã đề ra bốn mục tiêu giáo dục con người: Học để làm người, học để biết, học để làm, học để cùng chung sống. Trong giáo dục hoà nhập cả bốn mục tiêu trên đều được đặt ra đối với mỗi đứa trẻ. Trẻ được học tập, được sự giúp đỡ của mọi người trong quá trình tiếp nhận thông tin, lĩnh hội kiến thức, rèn luyện kỹ năng và tiến tới trình độ làm việc độc lập, sáng tạo. Trẻ được hoà nhập hợp tác mà cốt lõi là phụ thuộc lẫn nhau một cách tích cực. Trẻ có kiến thức, kỹ năng, độc lập, tự chủ, sáng tạo và có cống hiến.

Thứ hai: Giáo dục hoà nhập phù hợp với quan điểm giáo dục mới

Xu thế giáo dục đa trình độ, đa phương pháp và phát huy tính độc lập học tập hay sự tham gia tích cực của học sinh đã trở nên phổ biến. Sự đổi mới phương pháp học tập lấy học sinh làm trung tâm đã được thực hiện. Tư tưởng giáo dục hoà nhập phù hợp với xu thế đó.

Thứ ba: Giáo dục hoà nhập đạt tính hiệu quả

Giáo dục hoà nhập là phương thức giáo dục sớm hình thành cho trẻ các kỹ năng xã hội. Ngay từ nhỏ trẻ đã được sống là chính mình trong môi trường xã hội. Điều này tạo cho trẻ cơ hội tự khẳng định mình. Mặt khác, việc điều chỉnh nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học nâng cao hiệu quả chung của quá trình dạy học. Sản phẩm của giáo dục hoà nhập là trẻ em khi ra đời không bị bỏ ngỡ mà tự tin, độc lập và sáng tạo.

Kinh nghiệm giáo dục hoà nhập cho trẻ khuyết tật trên thế giới đã cho thấy tính hiệu quả đối với từng đối tượng trẻ cụ thể như sau:

- Đối với trẻ chậm phát triển trí tuệ: Xóa bỏ mặc cảm, giao tiếp phát triển tốt, phát triển tính độc lập, học được nhiều hơn.

- Đối với trẻ khiếm thị: Đi học gần nhà, có nhiều bạn bè, hội nhập dễ dàng, có cơ hội tìm việc làm.

- Đối với trẻ khiếm thính: Học cách giao tiếp, hiểu nhau và hiểu người khác, tăng nhu cầu giao tiếp, phát triển tư duy.
- Đối với trẻ khó khăn về vận động: Được phát triển tài năng, được bạn bè giúp đỡ, xoá bỏ dần sự lệ thuộc.

Thứ tư: Giáo dục hoà nhập phù hợp với cơ sở pháp lý

Vấn đề bình đẳng trong việc có cơ hội học tập và nhiều quyền khác của trẻ khuyết tật đã được nêu trong Công ước quốc tế về quyền trẻ em, Công ước về giáo dục cho mọi người và nhất là trong Tuyên ngôn về giáo dục đặc biệt Salamanca (Tây Ban Nha-1994) đã nhấn mạnh: “Tất cả mọi trẻ em có nhu cầu đặc biệt phải được đến trường. Các trường phổ thông bình thường phải tạo mọi cơ hội, điều kiện tiếp nhận các em khuyết tật vào học như mọi trẻ em khác. Giáo dục trẻ khuyết tật theo hướng hoà nhập là phương thức tốt nhất để xoá bỏ thái độ phân biệt, tạo ra những cộng đồng thân ái, xây dựng một xã hội cho mọi người”. Và trong Hội nghị giáo dục cho trẻ khuyết tật tại Agra (Ấn Độ) do UNESCO tổ chức 3/1998 đã khẳng định: “Giáo dục hoà nhập cho mọi trẻ em”.

Ở Việt Nam, vấn đề trẻ khuyết tật có quyền như mọi trẻ em khác đã được đề cập trong Hiến pháp và rất nhiều văn bản pháp luật khác nhau. Nhà nước phải tạo mọi điều kiện ưu tiên thực hiện các quyền đó.

Thứ năm: Đáp ứng được sự gia tăng dân số và trẻ khuyết tật

Sự gia tăng dân số kéo theo sự gia tăng về số lượng trẻ khuyết tật. Theo số liệu của Tổ chức y tế thế giới WHO khi nền văn minh nhân loại càng phát triển thì tỉ lệ trẻ khuyết tật càng tăng. Theo WHO tỉ lệ người khuyết tật trên thế giới là 8-10 % dân số, con số này sẽ tăng lên 12-15 % vào năm 2020.

Ở Việt Nam, nếu so sánh giữa Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh thì thành phố Hồ Chí Minh có tốc độ đô thị hoá mạnh hơn, có thu nhập cao hơn thì số lượng trẻ khiếm thính cũng cao hơn. Theo ông Barry Wright, giám đốc chương trình giáo dục trẻ khiếm thính tại Việt Nam do Ủy ban II Hà Lan tài trợ, hàng ngày có 8 trẻ em sinh ra có khuyết tật thính giác, như vậy hàng năm nước ta có khoảng 3000 trẻ khiếm thính ra đời và trong độ tuổi đi học sẽ có 45000 trẻ khiếm thính. Trong khi đó với nỗ lực trong nhiều năm, hàng năm chúng ta mới chỉ cung cấp chỗ ngồi cho chưa đến 3000 trẻ trong 57 cơ sở giáo dục chuyên biệt cho loại trẻ này. Vậy chúng ta sẽ cung cấp các dịch vụ giáo dục như thế nào? Giáo dục hoà nhập là câu trả lời thích hợp nhất.

Thứ sáu: Mô hình giáo dục hoà nhập đảm bảo tính kinh tế

Mô hình giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật là mô hình có hiệu quả kinh tế nhất: chi phí đỡ tốn kém, nhiều trẻ khuyết tật được đi học. Đây là mô hình giáo dục kinh tế nhất, mang tính nhân văn nhất. Mô hình này mang tới cho các em cơ hội được tới trường, cơ hội được thấy rõ quyền lợi và trách nhiệm của mình. Mô hình này đem mọi người đến gần nhau hơn. Ta có thể thấy rõ điều này khi so sánh hai hình thức giáo dục cho trẻ khuyết tật: giáo dục chuyên biệt và giáo dục hoà nhập.

So sánh hai phương thức giáo dục cho trẻ khuyết tật

Giáo dục chuyên biệt	Giáo dục hoà nhập
- Phải xây dựng trường dành riêng cho trẻ khuyết tật. - Có giáo viên dạy riêng trẻ khuyết tật và giáo viên chỉ có một đối tượng là học sinh khuyết tật. - Chương trình dạy riêng cho trẻ khuyết tật. - Trẻ khuyết tật phải xa gia đình, sống trong cộng đồng người khuyết tật, bị gán mác khuyết tật. - Số lượng trẻ khuyết tật được huy động đến trường còn ít, mỗi lớp khoảng 10 -12 học sinh. - Sự quan tâm của các cấp, các ngành còn hạn chế, thường được giao phó cho một cơ quan quản lí. - Cơ quan quản lí giáo dục chưa thống nhất, còn do nhiều cơ quan quản lí: Giáo dục, Y tế, Thương binh - xã hội.	- Không cần xây dựng trường riêng mà trẻ khuyết tật học chung với trẻ bình thường. - Giáo viên đồng thời phải dạy cả hai đối tượng: Học sinh bình thường và học sinh khuyết tật. - Chương trình dạy trẻ bình thường của bộ GDĐT qui định. - Trẻ khuyết tật sống tại gia đình, cùng học, cùng chơi với bạn bè cùng trang lứa. - Số lượng trẻ huy động đến trường nhiều hơn so với trường chuyên biệt. - Huy động được sự quan tâm và giúp đỡ của các cấp, các ngành ở địa phương. - Cơ quan giáo dục chịu trách nhiệm chỉ đạo chính.

Kết luận: Giáo dục hoà nhập là mô hình đáp ứng nhu cầu và quyền lợi của mọi trẻ em. Để đảm bảo cho mọi trẻ em được đến trường, các chính sách đã được soạn thảo và ban hành rộng rãi. Tuy nhiên, đưa chính sách vào thực tiễn cần sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành chức năng, các lực lượng tham gia giáo dục.

4. Chương trình giáo dục hòa nhập dành cho trẻ khuyết tật

a, Mục tiêu giáo dục hòa nhập

- Giúp người khuyết tật được hưởng quyền học tập bình đẳng như những người học khác.

Tạo điều kiện và cơ hội cho người khuyết tật học văn hóa, học nghề, phục hồi chức năng và phát triển khả năng của bản thân để hòa nhập cộng đồng

b, Phương pháp giáo dục

Giáo dục hòa nhập: là phương thức giáo dục chung người khuyết tật với người không khuyết tật trong cơ sở giáo dục.

Giáo dục hòa nhập là phương thức giáo dục chủ yếu đối với người khuyết tật. Pháp luật Việt Nam quy định về số lượng trẻ khuyết tật tối đa trong một lớp học hòa nhập. Theo đó, mỗi lớp hòa nhập dành cho trẻ khuyết tật ở các cấp giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông thì tối đa có ba trẻ khuyết tật cùng một loại tật. Trường hợp đặc biệt, Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào điều kiện thực tế của địa phương có thể tiếp nhận thêm trẻ khuyết tật trong một lớp học.

Ngoài ra, sỹ số học sinh ở các lớp học hòa nhập cũng được giảm khi có học sinh khuyết tật. Cụ thể, theo quy định tại Điều 10 Quyết định 23/2006/QĐ-BGDĐT: “Ở bậc học mầm non và

phổ thông khi có một học sinh khuyết tật học hòa nhập thì sĩ số trong lớp được giảm 5 người, dựa trên sĩ số học sinh bình quân của trường đó, nhưng không được quá 24 học sinh trên lớp.”

Giáo dục chuyên biệt: là phương thức giáo dục dành riêng cho người khuyết tật trong cơ sở giáo dục.

Giáo dục bán hòa nhập: là phương thức giáo dục kết hợp giữa giáo dục hòa nhập và giáo dục chuyên biệt cho người khuyết tật trong cơ sở giáo dục.

Giáo dục bán hòa nhập và giáo dục chuyên biệt được thực hiện trong trường hợp chưa đủ điều kiện để người khuyết tật học tập theo phương thức giáo dục hòa nhập.

c, Yêu cầu đối với môi trường giáo dục hòa nhập dành cho trẻ khuyết tật

Môi trường giáo dục hòa nhập cũng là một trong những vấn đề được quan tâm để đảm bảo quyền tham gia giáo dục của trẻ khuyết tật. Theo quy định tại Điều 13 Quyết định 23/2006/QĐ-BGDĐT:

1. Các cơ sở giáo dục tùy theo điều kiện để xây dựng môi trường giáo dục thân thiện cho người khuyết tật; phối hợp với các tổ chức xã hội xây dựng môi trường văn hóa, thể thao phù hợp để người khuyết tật được tham gia các hoạt động giáo dục như mọi người khác.

2. Các tổ chức xã hội tạo điều kiện để người khuyết tật được tham gia các hoạt động ngoài nhà trường.

- Cụ thể hơn, tại Điều 7, 20, 21, 22 Quyết định 23/2006/QĐ-BGDĐT quy định điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dung dạy học cho trẻ khuyết tật gồm:

- Bố trí các lớp học hòa nhập phù hợp với trẻ khuyết tật, các hoạt động trong lớp cần chú ý quan tâm tới khả năng và nhu cầu của trẻ khuyết tật

- Cơ sở vật chất, trường, lớp được thiết kế xây dựng phải an toàn, vệ sinh, đảm bảo tiếp cận thuận lợi cho trẻ khuyết tật học tập và sinh hoạt;

- Có thiết bị riêng cho giáo dục hòa nhập dành cho trẻ khuyết tật;

- Có sách báo và các tài liệu phù hợp với nhu cầu học tập của trẻ khuyết tật;

- Có sách giáo khoa, giáo trình phù hợp với yêu cầu học tập đặc biệt của trẻ khuyết tật

5. Các chính sách giáo dục hòa nhập tại Việt Nam

Theo quy định tại Luật giáo dục 2005 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, Nghị định 86/2015/NĐ-CP, Nghị định số 61/2006/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC, trẻ khuyết tật khi tham gia giáo dục được hưởng các chính sách như sau:

5.1. Ưu tiên trong nhập học và tuyển sinh

a, Ưu tiên trong nhập học

Trẻ khuyết tật được nhập học ở độ tuổi cao hơn so với quy định chung là 3 tuổi (Khoản 1 Điều 2 Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật).

b, Ưu tiên trong tuyển sinh

➤ *Đối với trung học cơ sở, trung học phổ thông*

- Trẻ khuyết tật được hưởng chế độ tuyển thẳng vào trung học phổ thông như đối với học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú và học sinh là người dân tộc ít người theo quy định tại Quy

chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông do Bộ Giáo dục, Đào tạo ban hành.

➤ Đối với trung cấp chuyên nghiệp

- Trẻ khuyết tật được xét tuyển thẳng vào trung cấp chuyên nghiệp.
- Căn cứ vào kết quả học tập ở phổ thông của học sinh (học bạ), tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành đào tạo, Hiệu trưởng các trường hệ trung cấp chuyên nghiệp xem xét và quyết định tuyển thẳng vào học.

➤ Đối với đại học, cao đẳng

- Người khuyết tật đặc biệt nặng được xét tuyển thẳng vào đại học, cao đẳng. Căn cứ kết quả học tập ở phổ thông của học sinh (học bạ), tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành đào tạo, Hiệu trưởng các trường xem xét và quyết định tuyển thẳng vào học.
- Người khuyết tật nặng được hưởng chính sách ưu tiên theo đối tượng khi đăng kí xét tuyển vào các trường đại học, cao đẳng. Quy định về ưu tiên nhập học tuyển sinh các hệ được quy định trong Quy chế tuyển sinh các hệ do Bộ GD–ĐT ban hành.

5.2. Chính sách khi tham gia các chương trình giáo dục

a, Miễn giảm một số nội dung môn học, môn học hoặc hoạt động giáo dục trong chương trình giáo dục

- Trẻ khuyết tật học tập theo phương thức giáo dục hòa nhập: Người đứng đầu cơ sở giáo dục quyết định điều chỉnh, miễn, giảm, thay thế một số nội dung môn học hoặc một số môn học, hoạt động giáo dục cho phù hợp và được thể hiện trong kế hoạch giáo dục cá nhân.
- Trẻ khuyết tật học tập theo phương thức giáo dục chuyên biệt: Chương trình học phù hợp với từng dạng khuyết tật. Trường hợp trẻ không đáp ứng được chương trình thì người đứng đầu cơ sở giáo dục quyết định điều chỉnh, miễn, giảm, thay thế một số nội dung môn học, môn học hoặc hoạt động giáo dục cho phù hợp và được thể hiện trong Kế hoạch giáo dục cá nhân.

b, Đánh giá kết quả học tập

- Nguyên tắc đánh giá: Động viên, khuyến khích sự nỗ lực và tiến bộ của người học.
- Đối với học sinh tiểu học:
 - Học sinh khuyết tật học theo phương thức giáo dục hòa nhập: đánh giá như đối với học sinh không khuyết tật có điều chỉnh yêu cầu hoặc theo yêu cầu của kế hoạch giáo dục cá nhân.
 - Học sinh khuyết tật học theo phương thức giáo dục chuyên biệt: đánh giá theo quy định dành cho giáo dục chuyên biệt hoặc theo yêu cầu của kế hoạch giáo dục cá nhân.
- Đối với các cấp học khác
 - Học theo phương thức giáo dục hòa nhập:
 - Được đánh giá như đối với học sinh bình thường nhưng có giảm nhẹ yêu cầu về kết quả học tập.
 - Những môn học hoặc hoạt động giáo dục mà người khuyết tật không có khả năng đáp ứng yêu cầu chung được đánh giá theo kết quả thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân
 - Không đánh giá những nội dung môn học, môn học hoặc nội dung giáo dục được miễn.
 - Học theo phương thức giáo dục chuyên biệt:

- Đánh giá theo quy định dành cho giáo dục chuyên biệt.
- Những môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh khuyết tật không có khả năng đáp ứng yêu cầu giáo dục chuyên biệt thì đánh giá theo kết quả thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân.

c, Xét lên lớp và cấp bằng tốt nghiệp

- Đối với giáo dục phổ thông

Căn cứ kết quả học tập các môn học, hoạt động giáo dục của người khuyết tật trong từng chương trình giáo dục, người có thẩm quyền (người đứng đầu cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục) quyết định xác nhận hoặc cấp bằng tốt nghiệp hoàn thành chương trình tiểu học, cấp bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, cấp bằng tốt nghiệp trung học phổ thông.

Đối với giáo dục đại học, trung cấp chuyên nghiệp

Căn cứ vào kết quả học tập, hoạt động giáo dục của người khuyết tật theo yêu cầu chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, người đứng đầu cơ sở giáo dục cấp bằng tốt nghiệp.

5.3. Chính sách ưu đãi đối với trẻ khuyết tật trong việc miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập

a, Đối tượng được miễn, giảm học phí

- Đối tượng không phải đóng học phí: Theo quy định tại Điều 105 Luật giáo dục 2005 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009)

- Học sinh tiểu học;

- Đối tượng được miễn học phí: Theo quy định tại Điều 7 Nghị định 86/2015/NĐ-CP

- Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên khuyết tật thuộc diện hộ nghèo hoặc cận nghèo
- Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo
- Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông là con của hạ sĩ quan và binh sĩ, chiến sĩ đang phục vụ có thời hạn trong lực lượng vũ trang nhân dân
- Học sinh, sinh viên hệ cử tuyển
- Học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, trường dự bị đại học, khoa dự bị đại học
- Học sinh người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn

- Đối tượng được giảm 70% học phí: Theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định 86/2015/NĐ-CP

- Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

- Đối tượng được giảm 50% học phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định 86/2015/NĐ-CP

- Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên
- Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc hộ cận nghèo

b, Hỗ trợ chi phí học tập

➤ Đối tượng:

- Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ;

- Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông khuyết tật thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo;
- Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo
- Mức hỗ trợ: 100.000 đồng/học sinh/tháng để mua sách vở và đồ dùng khác.
- Thời gian được hưởng theo thời gian học thực tế và không quá 09 tháng/năm học.

c, Hồ sơ, quy trình đề nghị miễn, giảm học phí, chi phí học tập và hỗ trợ chi phí học tập

- **Đối với trẻ khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập**

Bước 1. Hoàn thiện hồ sơ, gồm:

- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí hoặc Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập gửi cơ sở giáo dục.
- Bản sao chứng thực các giấy tờ: Kết luận của Hội đồng xét duyệt trợ cấp xã hội cấp xã, giấy chứng nhận hộ cận nghèo của UBND cấp xã cấp cho gia đình nuôi dưỡng trẻ khuyết tật có khó khăn về kinh tế;

Lưu ý: Gia đình trẻ khuyết tật chỉ cần làm 01 bộ hồ sơ lần đầu cho cả thời gian học tập, trẻ khuyết tật thuộc hai diện (vừa được miễn, giảm học phí và chi phí học tập, vừa được hỗ trợ chi phí học tập) chỉ cần làm 01 bộ hồ sơ. Trẻ khuyết tật thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hàng năm phải nộp bổ sung giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo để làm căn cứ xét cho kỳ học tiếp theo.

Bước 2. Nộp hồ sơ: Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày khai giảng năm học, cha mẹ (hoặc người giám hộ) của trẻ khuyết tật gửi hồ sơ tới cơ sở giáo dục.

Bước 3. Duyệt và thẩm định hồ sơ

- **Đối với trường mầm non và trung học cơ sở:** Hiệu trưởng nhà trường duyệt hồ sơ và tập hợp danh sách gửi Phòng giáo dục đào tạo thẩm định, tổng hợp, báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán kinh phí hàng năm.

- **Đối với trường trung học phổ thông và các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở GDĐT:** Hiệu trưởng nhà trường duyệt hồ sơ và tập hợp danh sách gửi Sở GDĐT thẩm định, tổng hợp báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán kinh phí hàng năm.

- **Đối với trẻ học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập**

Bước 1. Hoàn thiện hồ sơ, gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập theo mẫu
- Đơn đề nghị cấp bù tiền miễn, giảm học phí theo mẫu.
- Bản sao chứng thực giấy tờ: Kết luận của Hội đồng xét duyệt trợ cấp xã hội cấp xã; giấy chứng nhận hộ cận nghèo của UBND cấp xã cho đối tượng khó khăn về kinh tế.

Lưu ý: Trẻ khuyết tật chỉ cần làm 01 bộ hồ sơ lần đầu cho cả thời gian học tập, trẻ thuộc hai diện (vừa thuộc diện miễn, giảm học phí vừa thuộc diện được hỗ trợ chi phí học tập) chỉ phải làm 01 bộ hồ sơ. Trẻ khuyết tật thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hàng năm phải nộp bổ sung giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo để làm căn cứ xét cho kỳ học tiếp theo.

Bước 2. Nộp hồ sơ: Trong thời gian 45 ngày kể từ ngày khai giảng năm học, cha mẹ (hoặc người giám hộ) của trẻ khuyết tật phải làm đơn có xác nhận của cơ sở giáo dục gửi về:

- Đối với trẻ em khuyết tật học mẫu giáo, học sinh khuyết tật học tiểu học, học sinh khuyết tật học trung học cơ sở: Phòng giáo dục và đào tạo
- Đối với học sinh khuyết tật học trung học phổ thông: Sở giáo dục và đào tạo

Bước 3. Duyệt và thẩm định hồ sơ

- *Đối với trường mầm non và phổ thông:* Trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Hiệu trưởng nhà trường có trách nhiệm xác nhận đầy đủ nội dung theo mẫu.

- Trong vòng 30 ngày kể từ khi bắt đầu học kỳ mới, các cơ sở giáo dục có trách nhiệm cấp cho người học Giấy xác nhận theo mẫu. Người học không phải làm lại đơn đề nghị cấp bù tiền miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho các lần sau.

5.4. Chính sách cấp học bổng đối với trẻ khuyết tật

a, Đối tượng cấp học bổng, hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập

➤ *Đối tượng:* Trẻ khuyết tật thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo

➤ *Mức hỗ trợ:* 80% mức lương cơ sở.

➤ *Thời gian được hưởng:* 9 tháng/năm học

b, Quy trình và phương thức chi trả học bổng

➤ *Đối với trẻ khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục công lập*

Quy trình chi trả

Bước 1. Hoàn thiện hồ sơ, gồm:

- Bản sao giấy xác nhận khuyết tật

- Bản sao giấy chứng nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo.

Bước 2. Nộp hồ sơ

- Trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu năm học, cha mẹ (hoặc người giám hộ) của trẻ khuyết tật nộp hồ sơ cho cơ sở giáo dục.

Bước 3. Duyệt và thẩm định hồ sơ

- Người đứng đầu cơ sở giáo dục công lập tổ chức quy trình kiểm tra, đối chiếu nội dung hồ sơ, lập danh sách và dự toán kinh phí báo cơ quan quản lý cấp trên thẩm định, phê duyệt trình cấp có thẩm quyền duyệt.

Phương thức chi trả

- Cơ sở giáo dục thực hiện chi trả trực tiếp cho gia đình trẻ khuyết tật.

- Thời gian chi trả học bổng được thực hiện 2 lần trong năm và đảm bảo thuận tiện cho trẻ khuyết tật đi học. Trường hợp chưa nhận được theo thời hạn thì được truy lĩnh trong kỳ chi trả tiếp theo.

➤ *Đối với trẻ khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập*

Quy trình chi trả

Bước 1. Hoàn thiện hồ sơ, gồm:

- Đơn đề nghị có xác nhận của cơ sở giáo dục.

- Bản sao giấy xác nhận khuyết tật.

- Bản sao giấy chứng nhận hộ nghèo hoặc cận nghèo.

Bước 2. Nộp hồ sơ: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu năm học, cha mẹ (hoặc người giám hộ) của trẻ khuyết tật hoàn thiện đơn có xác nhận của cơ sở giáo dục gửi về:

- Đối với trẻ khuyết tật học tại cơ sở giáo dục trực thuộc quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là cấp huyện) quản lý gửi về phòng giáo dục và đào tạo;

- Đối với trẻ khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục trực thuộc cấp tỉnh quản lý gửi về sở giáo dục và đào tạo;

Bước 3. Xác nhận đơn đề nghị

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ sở giáo dục ngoài công lập xác nhận vào đơn đề nghị.

Phương thức chi trả

- Phòng GD-ĐT và Sở GD-ĐT chịu trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện chi trả học bổng và hỗ trợ chi phí cho các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý của đơn vị.

- Phòng LĐTBXH chịu trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện chi trả học bổng và hỗ trợ chi phí cho trẻ khuyết tật có hộ khẩu thường trú trên địa bàn huyện.

- Thời gian cấp học bổng và hỗ trợ chi phí được thực hiện 2 lần trong năm đảm bảo thuận tiện cho trẻ khuyết tật đi học. Trường hợp chưa nhận được chế độ thì được truy lĩnh trong kỳ chi trả tiếp theo.

Trẻ khuyết tật bỏ học hoặc bị buộc thôi học thì không được nhận học bổng và kinh phí hỗ trợ từ thời điểm bỏ học hoặc bị buộc thôi học và phải trả lại số tiền hỗ trợ cho cơ quan thực hiện chi trả để nộp ngân sách Nhà nước theo quy định.

5.5. Chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục trẻ khuyết tật

a, Chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục trực tiếp giảng dạy, quản lý trẻ khuyết tật theo phương thức giáo dục chuyên biệt:

➤ Đối tượng áp dụng:

- Nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục trực tiếp giảng dạy, quản lý trẻ khuyết tật theo phương thức giáo dục chuyên biệt trong cơ sở giáo dục chuyên biệt, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập;

- Nhà giáo trực tiếp giảng dạy trẻ khuyết tật theo phương thức giáo dục chuyên biệt trong các cơ sở giáo dục khác.

➤ Phụ cấp, trợ cấp được hưởng:

- *Trợ cấp tham quan, học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ*

• Hỗ trợ 100% tiền học phí, phụ cấp đi lại, nhà ở và hỗ trợ tiền mua tài liệu học tập cho nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác tại các trường chuyên biệt khi được cử đi học bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ.

• Nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của năm học được nhà nước cấp kinh phí tạo điều kiện đi thăm quan học tập, trao đổi kinh nghiệm với các đơn vị trong nước mỗi năm ít nhất 1 lần.

- *Phụ cấp ưu đãi*

• Mức phụ cấp 70% mức lương hiện hưởng và phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đang công tác tại trường, lớp dành cho trẻ khuyết tật.

- *Phụ cấp trách nhiệm*

• Nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục được hưởng hệ số phụ cấp trách nhiệm 0,3 so với mức lương cơ sở.

Chính sách đối với nhà giáo trực tiếp giảng dạy, quản lý trẻ khuyết tật theo phương thức giáo dục hòa nhập:

Được hưởng phụ cấp ưu đãi như sau:

Phụ cấp ưu đãi giảng dạy trẻ khuyết tật	=	Tiền lương 01 giờ dạy của giáo viên	x	0,2	x	Tổng số giờ thực tế giảng dạy ở lớp có trẻ khuyết tật
---	---	-------------------------------------	---	-----	---	---

- Được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng đáp ứng nhu cầu về giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật.

- Được tính giảm định mức giờ chuẩn hoặc trợ cấp giảng dạy tùy theo điều kiện của từng địa phương và cơ sở giáo dục. Giáo viên, giảng viên có thành tích xuất sắc trong công tác giáo dục hòa nhập được khen thưởng.

DANH MỤC VĂN BẢN PHÁP LUẬT

1. Luật người khuyết tật số 51/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010
2. Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005
3. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục số 44/2009/QH12 ngày 25 tháng 11 năm 2009
4. Nghị định 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 hướng dẫn Luật Giáo dục
5. Nghị định 28/2012/NĐ-CP hướng dẫn Luật người khuyết tật
6. Nghị định 86/2015/NĐ-CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 – 2021
7. Quyết định 23/2006/QĐ-BGDĐT về giáo dục hòa nhập dành cho người tàn tật, khuyết tật do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành
8. Quyết định 152/2007/QĐ-TTg về học bổng chính sách đối với học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân do Thủ tướng Chính phủ ban hành
9. Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT về Quy định đánh giá học sinh tiểu học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành
10. Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT sửa đổi Quy định đánh giá học sinh tiểu học kèm theo Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành
11. Thông tư 11/2014/TT-BGDĐT về Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành
12. Thông tư liên tịch 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội ban hành
13. Thông tư liên tịch 20/2014/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định 49/2010/NĐ-CP về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015 và Nghị định 74/2013/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 49/2010/NĐ-CP do

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành

14. Thông tư liên tịch 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện Nghị định 86/2015/NĐ-CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021 do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính - Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội ban hành
15. Thông tư liên tịch 23/2008/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC hướng dẫn Quyết định 152/2007/QĐ-TTg về học bổng chính sách đối với học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân do Liên bộ Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính ban hành
16. Thông tư liên tịch 213/2013/TTLT/BTC-BLĐTBXH Hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Đề án chăm sóc trẻ em: mồ côi không nơi nương tựa, bị bỏ rơi, nhiễm HIV/AIDS, là nạn nhân của chất độc hóa học, khuyết tật nặng, bị ảnh hưởng bởi thiên tai, thảm họa dựa vào cộng đồng giai đoạn 2013-2020 do Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành
17. Thông tư liên tịch 14/2016/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC sửa đổi Thông tư liên tịch 23/2008/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn Quyết định 152/2007/QĐ-TTg về học bổng chính sách đối với học sinh, sinh viên học tại cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Allan, J. & Slee, R. (2008), Doing inclusive education research. Rotterdam: Sense Publishers.
2. Alan Dyson (1999), Developing inclusive schools: three perspectives from England, http://www.dds.uni-hannover.de/fileadmin/schulentwicklungsforschung/DDS_PD_F-Dateien/DDS-Dyson_Inclusion_English.pdf
3. Công ước quốc tế về Quyền trẻ em. NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội, 1992
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2007, Quản lý giáo dục hoà nhập, NXB Phụ nữ
5. Bộ LĐTB và XH, UNICEF (2009), Xây dựng môi trường bảo vệ trẻ em Việt Nam: Đánh giá pháp luật và chính sách bảo vệ trẻ em, đặc biệt là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt ở Việt Nam, Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin.
6. Hội trợ giúp người khuyết tật Việt Nam (VNAH) với sự hợp tác của Bộ Lao động thương binh và xã hội, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và đào tạo, 2015, Báo cáo quốc gia khảo sát hệ thống dịch vụ trợ giúp người khuyết tật Việt Nam.
7. Kozleski, Artiles, Fletcher và Engelbrecht (2009), Understanding the Dialectics of the Local and the Global in Education for All: A Comparative Case Study,
8. Kozleski, Artiles, Waitoller (2011), Inclusive Education Examining Equity on Five Continents, <http://hepg.org/hepg-home/books/inclusive-education>

9. Kavale & Forness (2000), Identifying Specific Learning Disability: Is Responsiveness to Intervention the Answer? [http://danlane.wiki.westga.edu/file/view/Kavale+\(Identifying+SLD+Is+res...\).pdf](http://danlane.wiki.westga.edu/file/view/Kavale+(Identifying+SLD+Is+res...).pdf)
10. UNESCO (1994), The Salamanca Statement and Framework for Action on Special Needs Education. Paris: UNESCO. Retrieved from UNESCO website.
11. UNESCO (2009) Policy Guidelines on Inclusive Education. Paris: UNESCO
12. UNICEF (2015), Sự sẵn sàng cho giáo dục trẻ khuyết tật, nghiên cứu tại 8 tỉnh ở Việt Nam, NXB Hồng Đức
13. Tuyên bố Salamanca và Chương trình hành động về giáo dục theo nhu cầu đặc biệt, Hội Nghị thế giới về giáo dục trẻ em có nhu cầu đặc biệt: khả năng tiếp cận và chất lượng, Salamanca, Tây Ban Nha, 1994, NXB Chính trị Quốc Gia, Hà Nội 2002
14. Vũ Ngọc Bình (2001), Quyền con người và người tàn tật, NXB Lao động-Xã hội.



Norwegian Embassy

Địa chỉ liên hệ

Trung tâm Hành động vì sự phát triển cộng đồng (Trung tâm ACDC)
Địa chỉ: P905, tòa nhà Dream Center Home, ngõ 282 Nguyễn Huy Tưởng,
Thanh Xuân, Hà Nội
Điện thoại: 024 6675 3946/ Email: admin@acdc.org.vn

CẨM NANG

QUYỀN CỦA TRẺ EM KHUYẾT TẬT TRONG GIÁO DỤC HÒA NHẬP

Ban Biên tập

Nguyễn Thị Lan Anh

Đàm Việt Hà

Lê Hải Yến

Lương Minh Tâm

Ngô Thị Thu Hằng